

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRUNG ƯƠNG



Hà Nội – T3/2015

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ - BẢNG BIỂU	4
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	5
PHẦN I.....	8
THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP - XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	8
I. TỔNG QUAN VỀ BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG	8
1. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị.....	8
2. Tên, địa chỉ trụ sở chính Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương.....	8
3. Hình thức sở hữu.....	9
4. Ngành nghề kinh doanh	9
5. Nhiệm vụ và quyền hạn.....	10
6. Cơ cấu tổ chức và bộ máy của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương	13
II. ĐÁNH GIÁ BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG	15
1. Đánh giá môi trường hoạt động của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương.....	15
2. Đánh giá lĩnh vực hoạt động và đối tượng phục vụ của Bệnh viện	15
3. Đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ y tế và quản trị của Bệnh viện	16
4. Đánh giá tài chính của Bệnh viện	24
5. Đánh giá những kết quả đạt được	26
III. HIỆN TRẠNG VỀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.....	27
IV. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ.....	29
1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:	29
2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý	31
PHẦN II	32
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	32
I. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HÓA	32
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	32
1. Hình thức cổ phần hóa	32
2. Thông tin công ty cổ phần.....	33
3. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của công ty cổ phần.....	34
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	36
5. Đối tượng mua cổ phần.....	40
6. Tổ chức bán cổ phần	44
7. Chi phí cổ phần hóa.....	48
8. Quản lý và sử dụng số tiền thu được từ cổ phần hóa	49
9. Sắp xếp lại lao động.....	51
10. Phương án sử dụng đất đai	54
III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BỆNH VIỆN SAU CỔ PHẦN HÓA.....	56
1. Một số dự báo.....	56
2. Mục tiêu và định hướng phát triển công ty cổ phần:	57
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh	59
IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	62
1. Giải pháp về dịch vụ y tế và thị trường:.....	62
2. Giải pháp về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ	62
3. Giải pháp về tài chính, vốn	63
4. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp	64

5.	Giải pháp về đầu tư phát triển sản xuất.....	64
6.	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	65
V.	ĐỰ THAO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN	65
VI.	NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	65
1.	Khó khăn của đợt chào bán	65
2.	Khó khăn do cơ chế, chính sách chuyển đổi doanh nghiệp	65
3.	Khó khăn khác.....	66
	PHẦN III.....	67
	TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ	67
I.	KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CỔ PHẦN HÓA	67
1.	Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa:	67
2.	Tổ chức quyết toán, bàn giao giữa doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần:	67
3.	Đăng ký giao dịch và niêm yết.....	67
II.	KIẾN NGHỊ	68

DANH MỤC SƠ ĐỒ - BẢNG BIỂU

A. DANH MỤC SƠ ĐỒ

SƠ ĐỒ 1: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỆNH VIỆN.....	14
SƠ ĐỒ 2: DỰ KIẾN MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN.....	35

B. DANH MỤC BẢNG BIỂU

BẢNG BIỂU 1: Danh mục các thiết bị tiêu biểu.....	17
BẢNG BIỂU 2: Chất lượng nguồn nhân lực qua các năm.....	21
BẢNG BIỂU 3: Cơ cấu lao động theo loại hợp đồng lao động tại 26/12/2014.....	21
BẢNG BIỂU 4: Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm.....	23
BẢNG BIỂU 5: Thực trạng về tài chính Bệnh viện giai đoạn 2011 – 2013.....	24
BẢNG BIỂU 6: Bảng tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng.....	25
BẢNG BIỂU 7: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Bệnh viện Giao thông vận tải.....	29
BẢNG BIỂU 8: Cơ cấu vốn điều lệ - Bệnh viện Giao thông Vận tải - CTCP.....	38
BẢNG BIỂU 9: Dự toán chi phí cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông vận tải.....	48
BẢNG BIỂU 11: Tính toán tiền thu từ cổ phần hóa.....	49
BẢNG BIỂU 10: Kế hoạch sắp xếp lao động Bệnh viện.....	51
BẢNG BIỂU 11: Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại tại Bệnh viện.....	53

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ADB	:	Ngân hàng phát triển Châu Á
ODA	:	Nguồn vốn hỗ trợ phát triển
BCTC	:	Báo cáo tài chính
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
BVGTVT	:	Bệnh viện Giao thông vận tải trung ương
CPH	:	Cổ phần hóa
DTT	:	Doanh thu thuần
ĐMDN	:	Đổi mới doanh nghiệp
GTVT	:	Giao thông vận tải
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
NN	:	Nhà nước
OFID	:	Quỹ OPEC về phát triển kinh tế
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
WB	:	World Bank – Ngân hàng thế giới

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ văn bản số 3432/VPCP-ĐMDN ngày 14/5/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc thí điểm cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1864/QĐ-BGTVT ngày 19/05/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách thực hiện cổ phần hóa;

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-BGTVT ngày 04/06/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương; Quyết định số 124/QĐ-BGTVT ngày 23/06/2014 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương về việc thành lập tổ giúp việc cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 4966/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về giá trị cổ phần hoá của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương;

Căn cứ Biên bản Hội nghị đại biểu người lao động thông qua Phương án cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương ngày /03/2015.

Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương xây dựng Phương án cổ phần hóa cụ thể như sau:

PHẦN I

THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP - XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN VỀ BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG

1. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị

Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương được thành lập từ năm 1955 với tiền thân là Bệnh viện Đường sắt, hạng 3, quy mô 80 giường với nhiệm vụ ban đầu là chăm sóc sức khỏe, cấp cứu và điều trị cho nhân viên làm việc trong ngành đường sắt và hành khách đi tàu. Bệnh viện đã trải qua các giai đoạn trong quá trình hình thành và phát triển như sau:

Năm 1988, Bệnh viện Đường sắt được đổi tên thành Bệnh viện Đa khoa Đường sắt I Hà Nội sau khi hợp nhất với 02 bệnh viện khác theo Quyết định số 894/ĐS-TC ngày 04/10/1988 của Tổng cục Đường sắt.

Năm 2008, Bệnh viện được đổi tên thành Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương theo quyết định số 2651/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2008 của Bộ Giao thông vận tải.

Hiện nay, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã chính thức được công nhận là Bệnh viện Đa khoa hạng I theo Quyết định số 1734/QĐ ngày 23/8/2006 của Bộ Giao thông vận tải. Bệnh viện là tuyến y tế cao nhất trong ngành y tế giao thông vận tải có chức năng nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho cán bộ công nhân viên trong toàn ngành giao thông vận tải và nhân dân trong khu vực dân cư. Bệnh viện được tiếp nhận, giải quyết được những bệnh nhân nặng từ tuyến dưới chuyên lên, đồng thời còn có nhiệm vụ đào tạo và chỉ đạo tuyến về chuyên môn kỹ thuật cho các bệnh viện trong ngành y tế giao thông vận tải.

Thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp và thực hiện Quyết định số 1864/QĐ-BGTVT ngày 19/05/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách thực hiện cổ phần hóa trong đó có Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương, hiện tại Bệnh viện đang triển khai quyết liệt công tác cổ phần hóa.

2. Tên, địa chỉ trụ sở chính Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương

- Tên đầy đủ tiếng Việt: **Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương**
- Tên giao dịch quốc tế: **CENTRAL TRANSPORT HOSPITAL**
- Địa chỉ trụ sở: Ngõ 1194 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 3766 4751
- Fax: (84-4) 3766 1799
- Email: info@giaothonghospital.vn
- Website: www.giaothonghospital.vn

3. Hình thức sở hữu

Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương là Bệnh viện đa khoa hạng I, là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Cục y tế Giao thông vận tải – Bộ Giao thông vận tải, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Cục Y tế Giao thông vận tải, có chức năng khám chữa bệnh, phòng bệnh, phục hồi chức năng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị thuộc ngành giao thông vận tải và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

4. Ngành nghề kinh doanh

Theo Quy chế Bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ Y tế, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương hiện đang hoạt động trên các lĩnh vực như:

- Cấp cứu – Khám bệnh – Chữa bệnh;
- Đào tạo cán bộ y tế;
- Nghiên cứu khoa học về y học;
- Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật;
- Phòng bệnh;
- Quản lý kinh tế trong Bệnh viện

Theo Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 259/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 20/03/2014, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương được thực hiện hoạt động khám chữa bệnh, các kỹ thuật chuyên môn được Bộ Y tế phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép bao gồm 1886 danh mục kỹ thuật, một số danh mục kỹ thuật tiêu biểu như:

STT	Tên kỹ thuật	Ghi chú
1	Phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	
2	Phẫu thuật nội soi cuốn giữa và cuốn dưới	
3	Phẫu thuật nội soi mở sàng-hàm, cấp polyp mũi	
4	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	
5	Phẫu thuật chấn thương tầng giữa sọ mặt	
6	Phẫu thuật chấn thương tầng dưới sọ mặt	
7	Phẫu thuật chấn thương vỡ xương gò má	
8	Cố định xương hàm gãy, bằng nẹp, máng và cung	

STT	Tên kỹ thuật	Ghi chú
9	Phẫu thuật nhuyển thể thủy tinh bằng siêu âm (Pharco), đặt thể thủy tinh nhân tạo.	
10	Phẫu thuật nội soi tán sỏi thận qua da	
11	Nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser hoặc bằng xung hơi	
12	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần (chưa bao gồm khớp nhân tạo)	
13	Thay chỏm xương đùi	
14	Phẫu thuật nội soi khớp gối/khớp háng/khớp vai/khớp cổ chân	
15	Cắt túi mật qua nội soi	
16	Phẫu thuật gan mật, túi mật, nang gan, lấy sỏi qua nội soi	
17	Cắt ruột thừa qua nội soi	
18	Phẫu thuật cắt trĩ kỹ thuật cao (phương pháp Longo)	
19	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	
20	Cắt một nửa thận	
21	Cắt thận đơn thuần	
22	Cắt 2/3 dạ dày do loét, viêm, u lành	
23	Phẫu thuật cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma	
24	Lấy sỏi bàng quang	
25	Tán sỏi ngoài cơ thể	
	...vv	

5. Nhiệm vụ và quyền hạn

Theo Quyết định số 190/QĐ-CYT ngày 05/9/2013 của Cục Y tế - Bộ Giao thông vận tải, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương, viện có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

5.1 Xây dựng trình Cục trưởng phê duyệt quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm, các chương trình, dự án của Bệnh viện.

5.2 Tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và các nhiệm vụ khác của Bệnh viện sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5.3 Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, các quy chế quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ y tế, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe thuộc thẩm quyền.

5.4 Khám bệnh – chữa bệnh:

- + Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ trong và ngoài ngành chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú, ngoại trú và các dịch vụ y tế khác.
- + Tổ chức khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước.
- + Tổ chức khám giám định sức khỏe, khám giám định pháp y khi Hội đồng Giám định y khoa Giao thông vận tải, Hội đồng giám định y khoa địa phương hoặc cơ quan bảo vệ pháp luật trung cầu.
- + Tổ chức Hội chẩn khoa, Hội chẩn liên chuyên khoa, Hội chẩn toàn bệnh viện và Hội chẩn liên bệnh viện đối với các trường hợp bệnh nhân nặng theo quy định của Bộ Y tế.
- + Tập trung các nguồn lực, đổi mới tổ chức, đổi mới hình thức cung cấp dịch vụ y tế theo hướng xã hội hoá để cung cấp những dịch vụ y tế chất lượng cao theo nhu cầu của xã hội.

5.5 Phục hồi chức năng – vật lý trị liệu

- + Tổ chức phục hồi chức năng cho những người mắc bệnh mãn tính, bệnh nghề nghiệp, người sức khỏe yếu sau khi điều trị cấp tính và những người có nhu cầu phục hồi chức năng khác.
- + Lựa chọn các phương pháp điều trị vật lý trị liệu và phục hồi chức năng thích hợp, kết hợp dinh dưỡng, sử dụng thuốc hợp lý và có đủ các chỉ số đánh giá về chức năng cho người bệnh khi ra vào và ra viện.

5.6 Công tác y tế dự phòng

- + Thực hiện công tác vệ sinh phòng bệnh, vệ sinh dịch tễ, tổ chức khám tuyến, khám sức khỏe định kỳ, thực hiện các chương trình y tế cho các đơn vị giao thông vận tải khu vực và các tổ chức khác khi có nhu cầu.
- + Phối hợp với Trung tâm Giám định y khoa GTVT khám giám định bệnh nghề nghiệp, thương tật, tai nạn lao động để lập hồ sơ bệnh án trong các lĩnh vực bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động, suy giảm sức khỏe để trình Hội đồng giám định y khoa GTVT xem xét giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải khu vực Hà Nội và các đối tượng khác khi có nhu cầu.
- + Phối hợp với Trung tâm bảo vệ sức khỏe lao động và Môi trường Giao thông vận tải, Trung tâm y tế dự phòng địa phương để thực hiện công tác truyền thông giáo

dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp và phòng chống tai nạn thương tích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải và nhân dân trong khu vực.

5.7 Đào tạo cán bộ y tế

Bệnh viện là cơ sở thực hành để tham gia đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ y tế ở bậc sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và chuyển giao công nghệ cho các cơ sở y tế trong và ngoài ngành GTVT.

5.8 Nghiên cứu khoa học

- + Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu về y học và ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật y học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp cơ sở.
- + Tổ chức nghiên cứu y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.
- + Kết hợp với các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành và các tổ chức khoa học khác để ứng dụng và phát triển chuyên môn kỹ thuật cao trong bệnh viện.

5.9 Chỉ đạo tuyến

Lập kế hoạch trình Cục trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện việc chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh trong ngành GTVT về việc phát triển chuyên môn kỹ thuật để nâng cao chất lượng chẩn đoán và điều trị.

5.10 Hợp tác quốc tế

Tham gia các chương trình hợp tác quốc tế về lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật.

5.11 Quản lý kinh tế y tế - tài chính

5.12 Về công tác tổ chức

- + Trình cục trưởng quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các khoa phòng thuộc Bệnh viện.
- + Quản lý tổ chức bộ máy, sử dụng biên chế được duyệt theo quy định; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Bệnh viện.

5.13 Thanh tra, kiểm tra, giải quyết, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm đối với cán bộ, viên chức thuộc thẩm quyền của Bệnh viện. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực y tế đối với các khoa, phòng trong Bệnh viện.

5.14 Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

5.15 Quan hệ với các đơn vị y tế địa phương, các cơ quan có liên quan và phối hợp với các đơn vị trực thuộc Cục để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

5.16 Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Cục trưởng và theo quy định của pháp luật.

6. Cơ cấu tổ chức và bộ máy của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương

Cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương hiện được tổ chức theo quy định tại Quy chế Bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế; Quyết định số 190/QĐ-CYT ngày 05/9/2013 của Cục Y tế - Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương.

Theo Cơ cấu tổ chức hiện tại, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương bao gồm các khoa phòng chức năng và các khoa chuyên môn. Cơ cấu tổ chức bao gồm (*chi tiết tại Sơ đồ 1 kèm theo*):

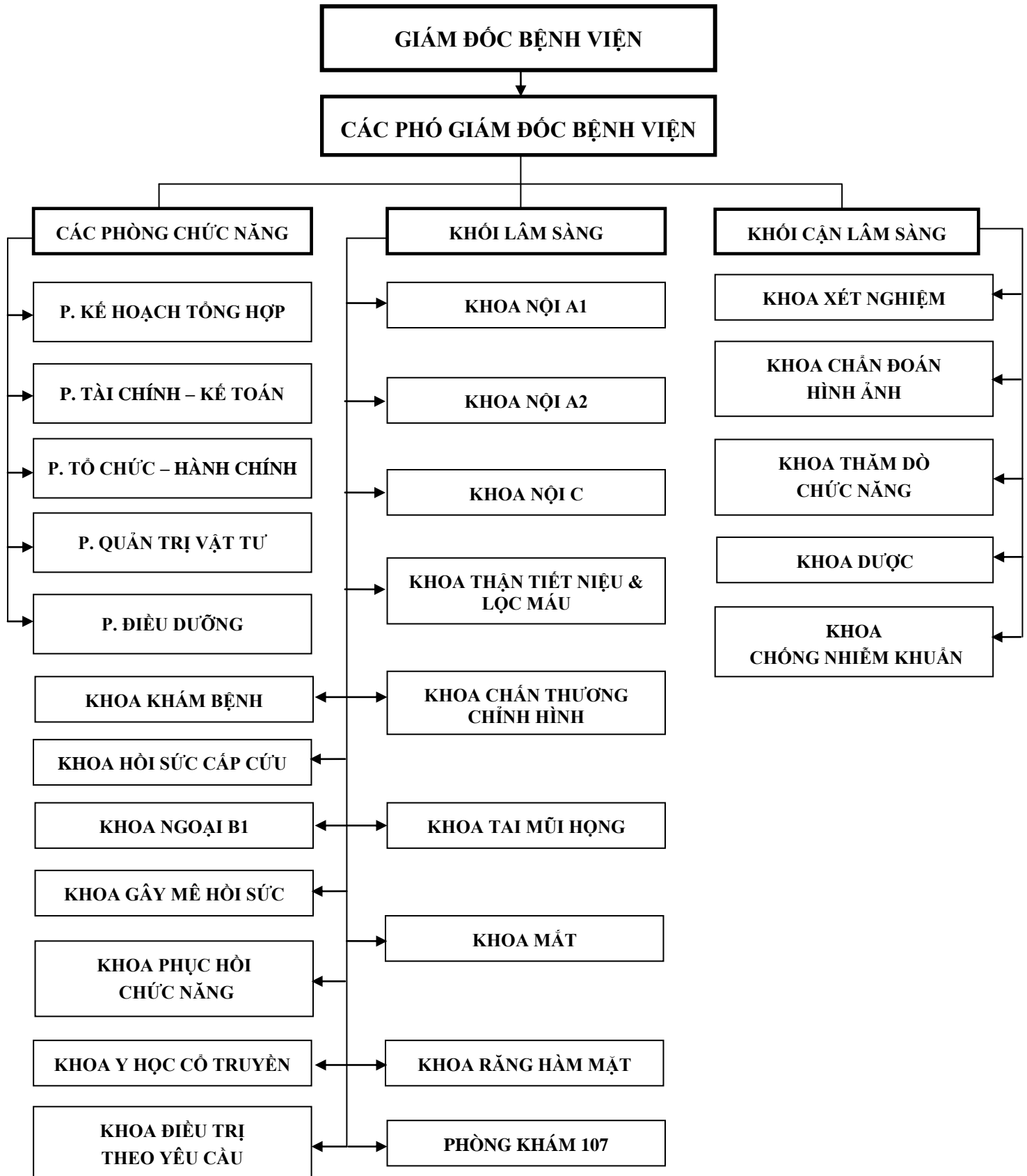
6.1 Các phòng chức năng

Bao gồm Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Quản trị vật tư; Phòng Kế hoạch tổng hợp; Phòng Điều dưỡng.

6.2 Các khoa chuyên môn

Trong cơ cấu của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương hiện có các khoa lâm sàng, cận lâm sàng và các phòng khám (chức năng), bao gồm: Khoa Khám bệnh, Khoa Hồi sức cấp cứu, Khoa Nội A1, Khoa Nội A2, Khoa Thận Tiết niệu – Lọc máu; Khoa Dược; Khoa nội C, Khoa Y học cổ truyền, Khoa Ngoại B1, Khoa Tai Mũi Họng, Khoa Răng Hàm Mặt, Khoa Chấn thương chỉnh hình, Khoa Gây mê hồi sức, Khoa Mắt, Khoa Khám – Điều trị tự nguyện, Khoa Phục hồi chức năng, Khoa Thăm dò chức năng, Khoa Xét nghiệm, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Khoa chống nhiễm khuẩn, Phòng khám 107.

**SƠ ĐỒ 1: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG HIỆN TẠI CỦA
BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG**



II. ĐÁNH GIÁ BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG

1. Đánh giá môi trường hoạt động của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương

Nền kinh tế Việt Nam theo số liệu của Tổng cục Thống kê đạt tốc độ tăng GDP 5,98% trong năm 2014 và có thể đạt 6 – 6,2% năm 2015 (nguồn Dự báo của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia). Dự báo nền kinh tế duy trì đà tăng trưởng đem lại kỳ vọng trong các lĩnh vực kinh doanh, trong đó có lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, y tế.

Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương là đơn vị có truyền thống gần 60 năm kinh nghiệm, có bề dày thành tích, trình độ chuyên môn tốt, tinh thần thái độ phục vụ tốt, đã tạo được uy tín lớn đối với cán bộ viên chức trong và ngoài ngành giao thông vận tải, nhân dân trong khu vực cũng như các đối tác.

2. Đánh giá lĩnh vực hoạt động và đối tượng phục vụ của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương.

2.1 Lĩnh vực hoạt động

Là Bệnh viện hàng đầu của Y tế ngành giao thông vận tải, Bệnh viện hoạt động trong lĩnh vực y tế, trong đó công tác khám chữa bệnh là lĩnh vực hoạt động trọng tâm của đơn vị.

Bệnh viện đã tập trung nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tập trung cho khu vực phòng khám và các khoa mũi nhọn, đảm bảo an toàn trong các bệnh phòng điều trị, thực hiện tốt các quy chế, quy định của Bộ Y tế.

Bệnh viện đã triển khai và hoàn thiện dự án nối mạng quản lý toàn bệnh viện, đặc biệt là tại khu vực phòng khám để cải cách thủ tục, giảm thời gian hoàn thành các thủ tục, tăng cường công tác quản lý trong khám chữa bệnh. Bệnh viện đã không ngừng đổi mới, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến, nhiều kỹ thuật mới đã được áp dụng trong những năm qua và ngày càng được hoàn thiện, nâng cao chất lượng; trang thiết bị y tế luôn được đầu tư và nâng cấp. Công tác khám chữa bệnh đạt được những kết quả đáng khích lệ, Bệnh viện đạt 495.633 lần khám bệnh năm 2013 tăng 8,50% so với năm 2012.

Bệnh viện đã được Bộ Y tế thẩm định và quyết định cho áp dụng thực hiện thêm nhiều kỹ thuật mới; được duyệt giá các kỹ thuật mới đồng thời được bảo hiểm y tế chấp nhận thanh toán với giá tối đa ngang một số Bệnh viện tuyến Trung ương.

2.2 Bệnh nhân, đối tượng phục vụ của Bệnh viện giao thông vận tải Trung ương

a) Bệnh nhân, đối tượng phục vụ

Với định hướng tập trung vào phát triển năng lực cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe bám sát Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra, nâng cao chất lượng dịch vụ, áp dụng các kỹ thuật điều trị tiên tiến. Bệnh nhân của Bệnh viện Giao thông vận tải trung ương tập trung vào các nhóm đối tượng chính sau:

- + Các bệnh nhân khám bảo hiểm y tế;
- + Các bệnh nhân khám chữa bệnh, điều trị theo yêu cầu;
- + Và khám sức khỏe cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

b) Vị thế của Bệnh viện

Là đơn vị đầu ngành của Y tế ngành Giao thông vận tải, với truyền thống gần 60 năm hoạt động trong lĩnh vực y tế, Bệnh viện đã nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao của Bộ Y tế, cán bộ, viên chức trong và ngoài ngành giao thông cũng như nhân dân khu vực. Hơn nữa, khu vực Hà Nội là địa bàn tập trung nhiều Bệnh viện của Trung ương và địa phương, có nhiều sự lựa chọn trong lĩnh vực dịch vụ y tế, tuy vậy Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương là đơn vị hoạt động uy tín và có bề dày lịch sử trong khám chữa bệnh nên số lượng bệnh nhân đến khám chữa bệnh đông, duy trì năng lực khám chữa bệnh trên 450.000 lượt khám chữa bệnh hàng năm.

3. Đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ y tế và quản trị của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương

3.1. Đánh giá về công nghệ và năng lực cung cấp dịch vụ y tế

Trước nhu cầu của nhân dân về các phương pháp điều trị tiên tiến, hiệu quả và định hướng phát triển Bệnh viện giao thông vận tải Trung ương thành Bệnh viện có trình độ chuyên môn cao, tương đương các Bệnh viện lớn của Việt Nam, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã tập trung đổi mới các máy móc, thiết bị y tế tiên tiến, ngoài ra đội ngũ y bác sĩ thường xuyên được cử đi học tập nâng cao trình độ và tay nghề. Cụ thể về lĩnh vực công nghệ y tế tại Bệnh viện hiện nay như sau:

a). Công nghệ và đổi mới công nghệ

Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đầu tư trang bị nhiều máy móc hiện đại, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của đại bộ phận người dân như: máy CT Scanner, máy siêu âm màu 3 chiều, máy tán sỏi ngoài cơ thể, máy mổ nội soi...

Ngoài ra, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã triển khai mới được một số đề án xã hội hóa về máy xét nghiệm miễn dịch, máy laser huyết học tự động K310i và máy siêu lọc thẩm tách ngắt quãng (HDF ONLINE) hỗ trợ hiệu quả trong công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện.

b). Thiết bị và năng lực cung cấp dịch vụ y tế

Là Bệnh viện đầu ngành của Y tế ngành giao thông vận tải, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã được đầu tư nhiều trang thiết bị tiên tiến, trong đó có một số thiết bị như:

BẢNG BIỂU 1 Danh mục các thiết bị tiêu biểu

TT	Danh mục thiết bị	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng
1	Hệ thống khoan điện phẫu thuật CT	2010	1
2	Hệ thống chụp Xq C-Arm (Cánh tay C) Model Ziehm 8000	2012	1
3	Hệ thống nội soi phẫu thuật khớp gối	2012	1
4	Bộ dụng cụ phẫu thuật mở thần kinh sọ não B.Braun-Aesculap	2013	1
5	Máy đo khí máu 342776	2010	1
6	Hệ thống nội soi dạ dày đại tràng ống mềm Olympus Video	2011	1
7	Máy lọc máu thâm tách HDF online	2014	1
8	Máy xét nghiệm miễn dịch men gan tự động (ELISE), hóa chất mở - Grifols – Tây Ban Nha	2014	1
9	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động (hóa chất mở) – Beckman Coulter – Nhật Bản	2014	1
10	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla – Siemens	2014	1
11	Hệ thống máy X Quang – DR – Samsung	2014	1
12	Máy chụp cắt lớp vi tính (16 lát) – GE Heathcare – Nhật Bản	2014	1
13	Máy Laser tán sỏi tiết niệu, sỏi mật	2014	1
14	Máy Monitor VM8 (Theo dõi bệnh nhân)	2008	2
15	Hệ thống máy nội soi hệ 1 (3 chóp) Tricam SL2 202230-20 - Đức	2005	1
16	Máy gây mê kèm thở Model S/5 Aespire AMXK01336 - Mỹ	2006	1
17	Bàn mổ Model TS 201 Seri 01493	2008	1
18	Bàn mổ đa năng thủy lực cơ Model TCI – 1	2010	1
19	Dao mổ điện cao tần Force FX	2010	2

TT	Danh mục thiết bị	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng
20	Máy gây mê kèm thở Focu – 100576	2010	1
21	Đèn mổ di động ánh sáng lạnh Model ST 23S Seri 110210346	2010	1
22	Máy siêu âm Doppler máu 4D	2010; 2011	1
23	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng	2011	1
24	Bàn mổ thủy lực đa năng Model Dr.Max7000S Seri A022-L9-0123	2012	1
25	Bộ khám nội soi TMH Model SA-232X	2012	1
26	Máy sinh hiển vi phẫu thuật - Nhật bản	1999; 2007	1
27	Máy thở Model Engstrom CBCK00602 - Mỹ	2006	1
28	Máy thở chức năng Model ESPRIT USA (CT H5N1) SV3009598	2006	1
29	Máy sốc điện TEC5531K Nihon Kohden 4289	2010	1
30	Máy thở Ivent 201 GE Versamed IV50173	2010	1
31	Máy XQ SHEWA - Hàn quốc	2003	1
32	Máy siêu âm 3 chiều A3C000827	2004	1
33	Đầu dò siêu âm 3D	2007	1
34	Máy siêu âm đen trắng Logiq C3 Premium	2013	1
35	Máy điện não vi tính Nihon Kohden - Nhật bản	2004	1
36	Máy đo loãng xương siêu âm	2012	1
37	Bàn kéo dẫn cột sống 1471-901-12825	1990	1
38	Monitor Intelli Vue MP40 Phillip - Đức	2013	2
39	Máy hấp khử trùng - Mỹ	2002	1
40	Máy hấp tiệt trùng cửa ngang Model Sat – 600 Seri 120924015-001	2012	1
42	Máy chạy thận nhân tạo NiKKiso DBB – 27 - Nhật bản	2006	2

TT	Danh mục thiết bị	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng
43	Hệ thống dẫn dịch cho máy trộn dịch trung tâm	2007	1
44	Máy chạy thận nhân tạo Nikiso – DCS – 27	2014	20
45	Máy chạy thận nhân tạo Nikiso – DBB – 27	2014	2
46	Máy Holter 50000307 (theo dõi điện tim liên tục)	2011	1

Năng lực cung cấp dịch vụ y tế: Với gần 60 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực y tế, cùng đội ngũ các y bác sĩ tâm huyết, lành nghề, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương hiện nay đang quản lý 363 giường bệnh, với năng lực cung cấp gần 500.000 lượt khám bệnh và gần 11.000 người bệnh điều trị nội trú hàng năm.

3.2. Đánh giá về phạm vi bệnh nhân, đối tượng phục vụ

Với gần 60 năm hoạt động trong lĩnh vực y tế, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã xây dựng được uy tín lớn đối với cán bộ, viên chức trong và ngoài ngành giao thông vận tải. Tiền thân là Bệnh viện Đường sắt với nhiệm vụ ban đầu là chăm sóc sức khỏe, cấp cứu và điều trị cho nhân viên làm việc trong ngành đường sắt và hành khách đi tàu, đến nay, Bệnh viện Giao thông vận tải đã mở rộng thành bệnh viện đa khoa với 26 khoa, phòng (bao gồm: 05 phòng ban chức năng, 05 khoa cận lâm sàng, 16 khoa lâm sàng) và mở rộng đối tượng phục vụ tới tất cả nhân dân có nhu cầu khám chữa bệnh và điều trị. Hiện tại, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương tập trung vào các nhóm đối tượng chính sau:

- + Các bệnh nhân khám bảo hiểm y tế, đây là nhóm đối tượng phục vụ chiếm số lượng đông đảo, hàng năm ước tính đem lại 80 – 90% lượt phục vụ và nguồn thu của Bệnh viện;
- + Các bệnh nhân khám chữa bệnh, điều trị theo yêu cầu. Bệnh viện đã xây dựng Khoa điều trị theo yêu cầu và các phòng yêu cầu tại một số khoa, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh chất lượng cao của nhân dân với mức viện phí theo mặt bằng chung của thị trường;
- + Khám sức khỏe cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Hàng năm, Bệnh viện tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, khám tuyển cho các đơn vị trong và ngoài ngành giao thông vận tải đồng thời làm tốt công tác khám tuyển người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài cho các đơn vị theo đúng quy trình kỹ thuật, chuyên môn trong khám lâm sàng, xét nghiệm, thăm dò, cận lâm sàng...

3.3. Đánh giá về khả năng đáp ứng của Bệnh viện giao thông vận tải Trung ương

Năng lực tài chính: Là Bệnh viện công hàng đầu của ngành Giao thông vận tải, đến nay Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã từng bước cân đối được thu chi, trong đó nguồn chủ yếu đến từ thu Bảo hiểm y tế, Viện phí và Thu khác. Tuy vậy, hàng năm, Bệnh viện còn được nhận từ nguồn ngân sách chi thường xuyên nhằm đảm bảo hoạt động (năm 2013 là trên 25,427 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14,69% trong tổng chi năm 2013).

Năng lực công nghệ: Với năng lực thiết bị công nghệ hiện có, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đáp ứng được đa số các yêu cầu công nghệ cơ bản trong chẩn đoán và điều trị y tế, tiêu biểu có một số khoa, phòng điều trị như: Khoa xét nghiệm, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Thận tiết niệu và lọc máu.... Tuy nhiên nếu so sánh với các Bệnh viện lớn tại Hà Nội, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương vẫn còn thiếu và chưa đầu tư được nhiều công nghệ hiện đại, tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh nên hạn chế mức độ hấp dẫn của Bệnh viện và hạn chế sức cạnh tranh so với các bệnh viện khác.

Năng lực kinh nghiệm: Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương là Bệnh viện có gần 60 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, đến nay Bệnh viện GTVT đã là Bệnh viện Đa khoa hạng I với 470 giường bệnh, có đội ngũ y bác sỹ lành nghề với 180 lao động có trình độ Bác sỹ, Dược sỹ và tương đương Đại học trở lên, vì vậy Bệnh viện có đủ năng lực khám chữa bệnh và năng lực kinh nghiệm để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

Chất lượng: Với đội ngũ y bác sỹ có nhiều kinh nghiệm, tâm huyết với nghề và các máy móc hỗ trợ chẩn đoán, điều trị đáp ứng tương đối các yêu cầu khám chữa bệnh, Bệnh viện GTVT Trung ương đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh theo đúng yêu cầu chuyên môn và luôn được Cục Y tế Bộ GTVT, Bộ Y tế giám sát và đánh giá cao. Kết quả kiểm tra của Cục Y tế Bộ GTVT hàng năm Bệnh viện luôn đạt tỷ lệ cao, xếp loại tốt, đạt tiêu chuẩn “Bệnh viện xuất sắc toàn diện” của Bộ Y tế. Năm 2013, kết quả kiểm tra theo tiêu chí mới của Bộ Y tế, Bệnh viện đạt mức 3/5 xếp loại chất lượng khá.

3.4. Đánh giá nguồn nhân lực

3.4.1 Nguồn nhân lực và chính sách phát triển nguồn nhân lực

a). **Tính đến thời điểm 26/12/2014 – Thời điểm có quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp:** Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương có tổng số 459 lao động trong đó bao gồm 131 lao động nam và 328 lao động nữ.

b). Chất lượng nguồn nhân lực qua các năm như sau

BẢNG BIỂU 2: Chất lượng nguồn nhân lực qua các năm

TT	Trình độ	2011	2012	2013	26/12/2014
1	Tiến sỹ	2	2	2	3
2	Bác sỹ Chuyên khoa cấp II	6	6	8	8
3	Thạc sỹ và Bác sỹ chuyên khoa cấp I	61	70	70	72
4	Bác sỹ, Dược sỹ và Đại học khác	81	84	88	101
5	Cao đẳng	10	14	15	20
6	Trung học	181	190	195	199
7	Khác	70	71	68	56
	Tổng cộng	411	437	446	459

c). Cơ cấu lao động theo loại hợp đồng lao động tại thời điểm 26/12/2014

BẢNG BIỂU 3: Cơ cấu lao động theo loại hợp đồng lao động tại 26/12/2014

TT	Đơn vị	Dài hạn trên 3 năm	Trung hạn 1- 3 năm	Ngắn hạn dưới 1 năm	Trong đó dân tộc (nếu có)
1	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	9	0	0	0
2	Phòng Tài chính Kế toán	16	3	0	0
3	Phòng Tổ chức Hành chính	15	1	0	0
4	Phòng Quản trị vật tư	20	1	0	0
5	Phòng điều dưỡng	3	0	0	0
6	Khoa khám bệnh	25	1	0	0
7	Khoa Hồi sức cấp cứu	22	4	0	0
8	Khoa Nội A1	25	1	0	1
9	Khoa Nội A2	11	3	0	0
10	Khoa Ngoại B1	32	8	0	1

TT	Đơn vị	Dài hạn trên 3 năm	Trung hạn 1- 3 năm	Ngắn hạn dưới 1 năm	Trong đó dân tộc (nếu có)
11	Khoa Tai mũi họng	8	4	0	0
12	Khoa Nội C	19	4	0	0
13	Khoa Chấn thương chỉnh hình	23	2	0	1
14	Khoa phục hồi chức năng	7	2	0	0
15	Khoa Đông y	11	2	0	0
16	Phòng khám 107	08	2	0	1
17	Khoa Thận tiết niệu và Lọc máu	15	7	0	0
18	Khoa Gây mê hồi sức	18	3	0	0
19	Khoa Mắt	12	0	0	1
20	Khoa Răng hàm mặt	10	2	0	0
21	Khoa Điều trị theo yêu cầu	11	5	0	0
22	Khoa xét nghiệm	20	2	0	2
23	Khoa chẩn đoán hình ảnh	16	6	0	0
24	Khoa thăm dò chức năng	8	1	0	0
25	Khoa Dược	16	5	0	0
26	Khoa Chống nhiễm khuẩn	10	0	0	0
	Cộng	390	69	0	7

d). Bố trí sử dụng lao động: Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ và bố trí sử dụng lao động của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương luôn được Ban lãnh đạo quan tâm hàng đầu.

– Bệnh viện chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, những người sẽ nắm bắt và làm chủ các khoa học tiên tiến, hiện đại để phục vụ cho công tác khám chữa bệnh đem lại niềm tin cho người bệnh.

– Để nâng cao chất lượng chuyên môn trong điều trị người bệnh, đồng thời cập nhật kiến thức trong công việc, hàng ngày Bệnh viện luôn gắn chương trình đào tạo và đào tạo lại dưới nhiều hình thức như: cử cán bộ đi đào tạo theo các chương trình ngắn hạn và dài hạn, Bệnh viện cũng trực tiếp mời các Giáo sư đầu ngành về giảng dạy tại chỗ nhằm cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên ngành cho đội ngũ cán bộ, viên chức...

– Ngoài ra, để cập nhật những thông tin khoa học và những kỹ thuật tiên tiến trên thế giới trong giai đoạn hội nhập, Bệnh viện đã tổ chức gửi các cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn đi học tập trao đổi kinh nghiệm ở các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Áo, Australia, Trung Quốc... và một số nước trong khu vực.

e). Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

BẢNG BIỂU 4: Thu nhập bình quân của người lao động Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương qua các năm

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	6,5	6,8	8,6	8,8

f). Chính sách phát triển nguồn nhân lực: Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương luôn quan tâm tới công tác phát triển nguồn nhân lực, quy hoạch cán bộ nguồn, có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ. Từ năm 2010 đến 2014, Bệnh viện đã cử đi đào tạo được 02 Tiến sỹ, 06 Bác sỹ chuyên khoa cấp II, 09 thạc sỹ, 03 bác sỹ chuyên khoa cấp I, 19 cử nhân điều dưỡng... Hiện tại, Bệnh viện đang cử đi đào tạo 04 tiến sỹ, 06 bác sỹ chuyên khoa cấp II, 08 thạc sỹ, 03 bác sỹ chuyên khoa cấp I và 08 cử nhân điều dưỡng.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ, nhân viên của Bệnh viện trong những năm qua cơ bản đã phát huy tốt năng lực lao động. Tuy nhiên bên cạnh việc bố trí và sắp xếp lại lao động hợp lý, chất lượng nguồn nhân lực cần phát triển hơn nữa để đảm bảo thực hiện tốt chiến lược phát triển Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương trong thời gian sắp tới.

3.4.2 Chính sách nhân sự

– Bệnh viện Giao thông vận tải trung ương xác định nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng nhất để phát triển công tác chuyên môn, do vậy chính sách nhân sự luôn được Lãnh đạo Bệnh viện chú trọng và quan tâm đặc biệt. Bên cạnh việc thực hiện các quy chế quản lý điều hành, tổ chức thực hiện và giám sát, Bệnh viện đã rà soát lại nhân lực về chất lượng, số lượng cán bộ, viên chức cần tuyển, lập kế hoạch tuyển dụng, đặc biệt là tuyển dụng các cán bộ có trình độ chuyên môn cao.

– Bệnh viện đã tổ chức ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp cho 100% người lao động. Thu nhập của cán bộ viên chức được giữ ở mức ổn định, các chế độ và phụ cấp được điều chỉnh kịp thời. Bệnh viện nỗ lực thực hiện các quy chế quản trị nội bộ, bố trí lực lượng lao động cho phù hợp với năng lực của từng người nhằm phát huy hết khả năng và thực hiện cơ chế đãi ngộ thỏa đáng theo hiệu quả công việc.

3.5. Đánh giá về tổ chức, quản lý

Đứng trước yêu cầu về nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức

khỏe nhân dân, sức ép về cạnh tranh giữa các Bệnh viện trên địa bàn Hà Nội, Bệnh viện Giao thông vận tải đã tích cực sắp xếp và đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng quản lý để từ đó nâng cao năng lực khám chữa bệnh của bệnh viên, tuy nhiên vẫn còn có một số hạn chế, cụ thể như sau:

- Phương thức quản lý hiện nay của Bệnh viện tuân thủ hoàn toàn cách thức vận hành của một đơn vị hành chính sự nghiệp đã được Nhà nước giao tự chủ một phần về tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ –CP của Chính phủ, chưa hoạt động theo hình thức doanh nghiệp, chưa hoàn toàn tự chủ thu chi, chưa thật sự năng động trong cơ chế thị trường.
- Bị hạn chế hoạt động bởi cơ chế quản lý hệ thống y tế cũ, lạc hậu và chông chéo không tạo điều kiện để đơn vị chủ động thay đổi đáp ứng kịp nhu cầu ngày càng cao của cộng đồng đối với dịch vụ y tế.
- Ban Giám đốc bệnh viện cũng như hệ thống các bệnh viện công khác hầu hết hiện nay là các bác sĩ giỏi chuyên môn tuy nhiên chưa được đào tạo chuyên sâu về quản lý, quản trị và hiện tại các Bệnh viện đa phần chưa có hệ thống về giải pháp quản trị bệnh viện đồng bộ, hiện đại.

4. Đánh giá tài chính của Bệnh viện

4.1 Thực trạng về tài chính của Bệnh viện trong 3 năm 2011 đến 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Trong 3 năm trước khi cổ phần hóa, tình hình về tài chính của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương được thể hiện qua một số thông tin như sau:

BẢNG BIỂU 5: Thực trạng về tài chính Bệnh viện giai đoạn 2011 – 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị: VND

STT	Tên tài khoản	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	6T/2014
I	Nợ				
1	Tiền và tương đương tiền	16.936.903.327	23.602.004.927	33.073.253.847	21.854.750.210
2	Vật liệu, công cụ dụng cụ	5.273.008.684	5.156.370.387	6.696.018.704	5.058.686.095
3	Tài sản cố định hữu hình	66.274.392.679	73.049.886.394	83.755.359.457	77.727.449.727
4	TSCĐ vô hình	278.916.799.970	278.916.799.970	278.996.219.970	279.124.332.820
5	Hao mòn TSCĐ	- 44.241.583.639	- 49.562.185.492	- 54.244.198.611	- 49.787.522.194
6	Các khoản phải thu	7.211.544.446	4.634.367.933	7.043.465.145	7.527.384.250
7	Tạm ứng	454.896.972	603.350.702	695.650.402	471.157.650
8	Chi hoạt động	123.504.202.541	215.517.510.667	173.035.351.311	76.795.131.122
II	Có	454.330.164.980	551.918.105.488	529.051.120.225	418.771.369.680
1	Các khoản phải trả	11.915.843.549	20.556.561.366	24.681.546.473	13.369.391.949

STT	Tên tài khoản	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	6T/2014
2	Các khoản phải nộp theo lương	2.427.046	- 191.750.558	40.238.895	153.573.500
3	Các khoản phải nộp nhà nước	280.015.677	258.773.321	185.349.046	94.472.481
4	Phải trả viên chức	666.470.671	- 16.472.150	515.028.750	- 1.032.034.439
5	Kinh phí đã quyết chuyển sang năm sau	5.273.008.684	5.156.370.387	6.696.018.704	-
6	Quỹ cơ quan	11.558.537.802	8.192.361.583	15.313.206.230	22.326.574.714
7	Nguồn kinh phí sự nghiệp	123.684.252.541	215.557.760.667	173.035.351.311	76.795.131.122
8	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	300.949.609.010	302.404.500.872	308.507.380.816	307.064.260.353
9	Các khoản thu	-	-	77.000.000	-
		454.330.164.980	551.918.105.488	529.051.120.225	418.771.369.680

(Nguồn: Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương)

4.2 Chính sách phân phối lợi nhuận

Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương là đơn vị hành chính sự nghiệp, quản lý tài chính theo Luật Ngân sách, Nghị định 43/2006/NĐ-CP, hạch toán kế toán theo Luật Kế toán, trong đó chủ yếu dựa trên quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản sửa đổi bổ sung. Theo đó, hàng năm, sau khi trang trải toàn bộ chi phí hoạt động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật; số chênh lệch (nếu có) giữa phần thu và phần chi tương ứng, sẽ được trích lập các quỹ theo đúng quy định.

4.3 Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng 3 năm (2011-2013) và 6 tháng đầu năm 2014

BẢNG BIỂU 6: Bảng tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu/Nguồn kinh phí	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	6T/2014
I	KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG	123.684.252.541	215.337.951.352	173.035.351.311	44.627.485.562
A	Kinh phí thường xuyên	117.934.252.541	210.610.821.730	168.004.335.423	44.627.485.562
-	<i>NSNN giao</i>	<i>13.732.286.180</i>	<i>22.696.298.549</i>	<i>25.427.550.271</i>	<i>4.064.917.446</i>
-	<i>Phí, lệ phí để lại, khác</i>	<i>95.885.523.192</i>	<i>155.590.948.583</i>	<i>95.652.585.758</i>	-
-	<i>Nguồn khác</i>	<i>8.316.443.169</i>	<i>32.323.574.598</i>	<i>46.924.199.394</i>	<i>40.562.568.116</i>
B	Kinh phí không thường xuyên	5.750.000.000	4.727.129.622	5.031.015.888	-

STT	Chỉ tiêu/Nguồn kinh phí	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	6T/2014
1	Khoa học kỹ thuật	200.000.000	180.050.000	-	-
-	<i>NSNN giao</i>	<i>200.000.000</i>	<i>180.050.000</i>	-	-
2	Nguồn kinh phí không thường xuyên	5.550.000.000	4.547.079.622	5.031.015.888	
-	<i>NSNN giao</i>	<i>5.550.000.000</i>	<i>4.547.079.622</i>	<i>5.031.015.888</i>	
3	Nguồn kinh phí viện trợ		219.809.315		
-	<i>Nguồn khác</i>		<i>219.809.315</i>		
II	CHI HOẠT ĐỘNG	123.504.202.541	215.517.510.667	173.035.351.311	44.627.485.562
1	Chi thường xuyên	117.934.252.541	210.610.821.730	168.004.335.423	44.627.485.562
-	<i>NSNN giao</i>	<i>13.732.286.180</i>	<i>22.696.298.549</i>	<i>25.427.550.271</i>	<i>4.064.917.446</i>
-	<i>Phí, lệ phí để lại, khác</i>	<i>104.201.966.361</i>	<i>155.590.948.583</i>	<i>95.652.585.758</i>	
-	<i>Nguồn khác</i>		<i>32.323.574.598</i>	<i>46.924.199.394</i>	<i>40.562.568.116</i>
2	Chi không thường xuyên	5.569.950.000	4.686.879.622	5.031.015.888	
2.1	Chi sự nghiệp khoa học	19.950.000	139.800.000		
-	<i>NSNN giao</i>	<i>19.950.000</i>	<i>139.800.000</i>		
2.2	Kinh phí không thường xuyên	5.550.000.000	4.547.079.622	5.031.015.888	
-	<i>NSNN giao</i>	<i>5.550.000.000</i>	<i>4.547.079.622</i>	<i>5.031.015.888</i>	
3	Nguồn viện trợ		219.809.315		
-	<i>Nguồn khác</i>		<i>219.809.315</i>		

(Nguồn: Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương)

4.4 Đánh giá chung về tình hình tài chính

Hiện nay, Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu và là Bệnh viện công lập hàng đầu của ngành Giao thông vận tải. Mặc dù đến nay Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã từng bước cân đối được thu chi, trong đó nguồn chủ yếu từ thu viện phí Bảo hiểm y tế, Viện phí của bệnh nhân tự nguyện, Thu phí khác, nhưng hàng năm, Bệnh viện cần nhận từ nguồn ngân sách chi thường xuyên và chi không thường xuyên của Nhà nước nhằm đảm bảo hoạt động của mình.

Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, Bệnh viện vẫn có được những thuận lợi cơ bản đó là: Bệnh viện nhận được sự giúp đỡ và chỉ đạo sát sao của Bộ Giao thông vận tải và các Ban ngành chức năng Trung ương và địa phương, tập thể Ban lãnh đạo và các y bác sĩ đoàn kết, thực hiện triển khai quyết liệt công tác cổ phần hóa.

5. Đánh giá những kết quả đạt được

Hiện nay, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã chính thức được công nhận là Bệnh viện Đa khoa hạng I theo Quyết định số 1734/QĐ ngày 23/8/2006 của

Bộ Giao thông vận tải. Bệnh viện là tuyến y tế cao nhất trong y tế ngành giao thông vận tải có chức năng nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên trong toàn ngành giao thông vận tải và nhân dân.

Bệnh viện đã triển khai và hoàn thiện dự án nối mạng quản lý toàn bệnh viện, đặc biệt là tại khu vực phòng khám để cải cách thủ tục, giảm thời gian hoàn thành các thủ tục, tăng cường công tác quản lý trong khám chữa bệnh. Bệnh viện đã không ngừng đổi mới, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến, nhiều kỹ thuật mới đã được áp dụng trong những năm qua và ngày càng được hoàn thiện, nâng cao chất lượng; trang thiết bị y tế luôn được đầu tư và nâng cấp với nhiều máy móc hiện đại, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của đại bộ phận người dân như: máy CT.Scanner, máy siêu âm màu 3 chiều, máy tán sỏi ngoài cơ thể, máy mổ nội soi... Ngoài ra, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã triển khai mới được một số đề án xã hội hóa về máy xét nghiệm miễn dịch, máy laser huyết học K310i và máy siêu lọc thẩm tách ngắt quãng (HDF ONLINE) hỗ trợ hiệu quả trong công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện.

Là đơn vị đầu ngành của y tế ngành Giao thông vận tải, với truyền thống gần 60 năm hoạt động trong lĩnh vực y tế, Bệnh viện đã nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao của Bộ Y tế, cán bộ viên chức trong và ngoài ngành giao thông cũng như nhân dân khu vực, cùng với đội ngũ các y bác sĩ tâm huyết, lành nghề, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương hiện nay đang quản lý 470 giường bệnh, với năng lực cung cấp gần 500.000 lượt khám bệnh và gần 11.000 người bệnh điều trị nội trú hàng năm. Bệnh viện đã vinh dự được đón nhận Huân chương lao động hạng ba do Chủ tịch nước trao tặng.

Bệnh viện GTVT Trung ương đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh theo đúng yêu cầu chuyên môn và luôn được Cục Y tế, Bộ GTVT, Bộ Y tế giám sát và đánh giá cao. Kết quả kiểm tra của Cục Y tế Bộ GTVT hàng năm Bệnh viện luôn đạt tỷ lệ cao, xếp loại tốt, đạt tiêu chuẩn “Bệnh viện xuất sắc toàn diện” của Bộ Y tế. Năm 2013, kết quả kiểm tra theo tiêu chí mới của Bộ Y tế, Bệnh viện đạt mức 3/5 xếp loại chất lượng khá.

III. HIỆN TRẠNG VỀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

Diện tích đất tại Ngõ 1194 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Trên sổ kế toán của Bệnh viện đang theo dõi giá trị tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Ngõ 1194 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội với số tiền 227,6 tỷ đồng (bao gồm cả khu đất có diện tích là 307,8 m² sẽ được bàn giao cho Trung tâm Giám định Y khoa – Cục Y tế Giao thông Vận tải theo Quyết định số 3915/QĐ-BGTVT ngày 16/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải) căn cứ theo Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của tổ chức được giao đất không thu tiền sử dụng đất ngày 30/11/2007 của tổ công tác liên ngành thành phố Hà Nội.

Ngày 25/4/2012, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản số 1713/QĐ-UBND về việc cho Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương tiếp tục sử dụng

21.291,4m² đất tại ngõ 1194 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa cùng với công trình đã xây dựng để làm bệnh viện trong đó có:

+ 19.414,6m² đất nằm ngoài chỉ giới đường đỏ có thời hạn sử dụng lâu dài với hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

+ 1.876,8m² đất nằm trong quy hoạch mở đường.

Ngày 16/10/2014 Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 3915/QĐ-BGTVT bàn giao khu đất có diện tích là 307,8 m² hiện do Bệnh viện quản lý cho Trung tâm Giám định Y khoa – Cục Y tế Giao thông Vận tải. Theo đó, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương hiện đang quản lý diện tích đất thực tế là 20.983,8 m² (=21.291,4m² – 307,8m²) tại Ngõ 1194 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

1. Phòng khám số 107 phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Bệnh viện đang tạm thời quản lý 2 khu nhà làm phòng khám tại số 107 phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội:

+ Hiện nay, khu đất này đã được Tổng Công ty đường sắt Việt Nam kê khai theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà và đất thuộc sở hữu của Nhà nước.

+ Ngày 29/12/2014, căn cứ trên Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 12859/BTC-TC ngày 20/9/2013 của Cục Công sản – Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 02 cơ sở nhà, đất của Tổng công ty đường sắt Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội, BVGTVT đã có Biên bản làm việc với Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc sử dụng khuôn viên đất số 107 phố Trần Hưng Đạo, Hà Nội. Theo đó, BVGTVT chấp thuận giao lại khuôn viên này cho Tổng Công ty đường sắt Việt Nam sử dụng theo xử lý, sắp xếp nhà đất đã được Cục Công sản – Bộ Tài chính phê duyệt và kê khai địa chỉ nhà, đất trên.

Trên cơ sở Phương án sử dụng đất của Bệnh viện gửi UBND thành phố Hà Nội. Ngày 03/3/2015, UBND thành phố Hà Nội đã có văn bản số 1486/UBND-KT về phương án sử dụng đất của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương trên địa bàn thành phố khi thực hiện cổ phần hóa, theo đó UBND thành phố có ý kiến như sau:

+ Đối với cơ sở nhà, đất tại ngõ 1194 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa: Đồng ý về chủ trương cho Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương được tiếp tục quản lý, sử dụng với diện tích sử dụng đất là 19.132m² đất, nằm ngoài chỉ giới đường đỏ để làm Bệnh viện;

+ Đối với 1.851,8m² đất nằm trong quy hoạch mở đường, yêu cầu đơn vị sử dụng nguyên trạng, khi Nhà nước thu hồi, phải bàn giao theo quy định.

+ Chấp thuận về chủ trương cho Trung tâm Giám định y khoa Giao thông vận tải được sử dụng: 307,6m² (gồm: Khu E: diện tích 282,6m² để làm cơ sở hoạt động sự nghiệp; khu N: 24m² và khu P: 01m² nằm trong quy hoạch mở đường, khi Nhà nước thu hồi, phải bàn giao theo quy định) theo Quyết định số 3915/QĐ-BGTVT ngày 16/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chuyển khu đất của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương cho Trung tâm giám định y khoa Giao thông vận tải. Tuy

nhiên, Bộ Giao thông vận tải phải được Bộ Tài chính chấp thuận điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất theo Quyết định số 09/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đối với cơ sở nhà, đất tại số 107 Trần Hưng Đạo, quận Hai Bà Trưng: đề nghị thực hiện theo Văn bản số 12859/BTC-QLCS ngày 20/9/2013 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất của Tổng công ty đường sắt Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương và Trung tâm Giám định y khoa Giao thông vận tải có trách nhiệm liên hệ với các cấp, các ngành để hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định.”

IV. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ

1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

Theo Quyết định số 4966/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/6/2014 để cổ phần hóa được thể hiện cụ thể như sau:

- **Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp: 158.540.231.715 đồng**
- **Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 136.503.631.437 đồng**
- Tài sản không cần dùng: 1.466.790.895 đồng
- Tài sản chờ thanh lý: 0 đồng
- Tài sản đầu tư bằng Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 0 đồng

BẢNG BIỂU 7: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU THEO BÁO CÁO ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	66.854.007.023	158.540.231.715	91.686.224.692
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	27.950.659.458	117.282.194.328	89.331.534.870
1	Tài sản cố định hữu hình	27.950.659.458	60.554.628.615	32.603.969.157
1.1	Tài sản cố định hữu hình	27.029.288.477	59.633.257.634	32.603.969.157
	- Nguyên giá	68.760.582.386	100.583.082.094	31.822.499.708
	- Khấu hao lũy kế	- 41.731.293.909	- 40.949.824.460	781.469.449
1.2	Tài sản cố định vô hình	921.370.981	921.370.981	-
	- Nguyên giá	1.477.522.820	1.477.522.820	-

	- Khấu hao lũy kế	- 556.151.839	- 556.151.839	-
2	Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang	-	55.046.192.429	55.046.192.429
3	Chi phí trả trước dài hạn (không bao gồm lợi thế kinh doanh)	-	1.681.373.284	1.681.373.284
	- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	-	1.681.373.284	1.681.373.284
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	38.903.347.565	38.903.347.553	- 12
1	Tiền	21.854.750.210	21.854.750.198	- 12
	- Tiền mặt	583.493.512	583.493.500	- 12
	- Tiền gửi ngân hàng	20.653.451.938	20.653.451.938	-
	- Tiền đang chuyển	617.804.760	617.804.760	-
2	Các khoản phải thu	11.484.195.766	11.484.195.766	-
3	Vật tư, hàng hóa tồn kho	5.058.686.095	5.058.686.095	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	505.715.494	505.715.494	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	2.354.689.834	2.354.689.834
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	1.466.790.895	1.466.790.895	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	1.466.790.895	1.466.790.895	-
1	Tài sản cố định hữu hình	1.466.790.895	1.466.790.895	-
	- Nguyên giá	8.366.867.341	8.366.867.341	-
	- Khấu hao lũy kế	- 6.900.076.446	- 6.900.076.446	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
1	Tài sản cố định hữu hình	-	-	-
	- Nguyên giá	600.000.000	600.000.000	-
	- Khấu hao lũy kế	- 600.000.000	- 600.000.000	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG (không sử dụng cho SXKD)	-	-	-

	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	68.320.797.918	160.007.022.610	91.686.224.692
	Trong đó: Tổng giá trị thực tế DN (Mục A)	66.854.007.023	158.540.231.715	91.686.224.692
E1	Nợ thực tế phải trả	22.036.600.278	22.036.600.278	-
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A-(E1+E2))	44.817.406.745	136.503.631.437	91.686.224.692

2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Theo Quyết định số 4966/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Bệnh viện Giao thông vận tải trung ương, Bệnh viện cần tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất trước khi bán cổ phần lần đầu.

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC lập ngày 11/12/2014, Bệnh viện cần tiếp tục thực hiện đối chiếu các khoản công nợ phải thu và phải trả tại thời điểm 30/6/2014 cụ thể như sau:

Khoản mục	Số sách		Tỷ lệ xác nhận	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
Tạm ứng	471.485.650	18	50,15%	94,44%
Trả trước nhà thầu	1.709.021.567	8	95,25%	87,50%
Phải trả nhà cung cấp	14.310.039.668	128	99,94%	99,22%

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HÓA

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa các doanh nghiệp theo lộ trình và thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã xây dựng phương án cổ phần hóa nhằm mục tiêu:

- Huy động và thu hút vốn đầu tư của các cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước, thông qua đó tăng thêm nguồn vốn cho Bệnh viện, tạo khả năng tự chủ về mặt tài chính, giúp Bệnh viện có thể huy động vốn để đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu dịch vụ y tế ngày càng cao của cộng đồng.
- Thay đổi cách quản lý và đổi mới phương thức tổ chức quản trị hiện nay, tăng cường hơn nữa tính tự chủ và trách nhiệm; tăng thu nhập và tính tự chủ chuyên môn cho Bệnh viện. Cổ phần hóa chính là một bước trong quá trình đổi mới bệnh viện công được gắn liền với đổi mới hệ thống chính sách, cơ chế quản lý và tài chính.
- Khi thực hiện cổ phần hóa, các trang thiết bị y tế sẽ được đầu tư mạnh, hiện đại, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tốt hơn, từ đó có thể phục vụ khám chữa bệnh cho nhiều bệnh nhân, thực hiện được mục tiêu an sinh xã hội. Sự phát triển của Bệnh viện góp phần giảm sức ép về lưu lượng khám chữa bệnh lên hệ thống bệnh viện ở khu vực ở ba quận trung tâm (Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm), thu hút và đáp ứng lượng bệnh nhân ở khu vực quận Cầu Giấy, Từ Liêm, khu vực Mỹ Đình và các bệnh nhân ở khu vực –phía tây cửa ngõ của Hà nội. Việc quản lý của Nhà nước trong các bệnh viện trở nên tập trung và điều hành, định hướng phát triển thuận lợi hơn.
- Bệnh viện sau khi cổ phần hóa có nhiều cơ hội phát triển sẽ tạo điều kiện cho nhân dân được hưởng các gói dịch vụ y tế khác nhau tùy theo yêu cầu của người bệnh, phù hợp với đòi hỏi khác nhau của cộng đồng.

Cùng với thực hiện các gói dịch vụ y tế, Bệnh viện sau khi cổ phần hóa sẽ chủ trương đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tăng cường sự hợp tác với các bệnh viện, viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới góp phần phát triển ngành y học Việt Nam. Cổ phần hóa mở ra cơ hội liên kết với các tổ chức quốc tế, Bệnh viện sẽ có thêm nguồn vốn đầu tư, được tiếp cận với nhiều kỹ thuật khám chữa bệnh của các nước tiên tiến, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và tính chuyên nghiệp của cả 2 lĩnh vực quản trị bệnh viện và ý thức chuyên môn, tính chuyên nghiệp của lãnh đạo và bác sỹ.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Trên cơ sở giá trị phần vốn nhà nước được phê duyệt theo Quyết định số 4996/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải là 136.503.631.437 đồng, và hàng năm trước khi cổ phần hóa Bệnh viện còn phải nhận bổ sung thêm từ nguồn ngân sách nhà nước nên vốn điều lệ được xác định cần đảm bảo thu hút thêm được nguồn vốn từ xã hội để bù đắp phần thiếu hụt do Công ty cổ phần dự kiến không

được cấp bổ sung từ ngân sách nhà nước. Do đó, việc xác định hình thức cổ phần hóa nhằm mục tiêu sau khi cổ phần hóa thành công, Bệnh viện có sẵn nguồn vốn được giữ lại để đảm bảo hoạt động và khi xét đến các yếu tố lợi nhuận, cổ tức vẫn đảm bảo hài hòa lợi ích của xã hội và cổ đông.

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương chọn hình thức "***Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ***" theo điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

2. Thông tin công ty cổ phần

Nhằm đảm bảo khả năng khám chữa bệnh theo Bảo hiểm y tế của Bệnh nhân và Bệnh viện được đúng tuyến, tạo thuận lợi cho công tác quyết toán chi phí và tránh nhầm lẫn giữa việc xác định tên gọi của hệ thống y tế giao thông vận tải với tuyến trung ương của hệ thống các bệnh viện trung ương thuộc Bộ Y tế hiện nay, Bệnh viện đã lựa chọn tên gọi như sau:

- Tên tiếng việt: **Bệnh viện Giao thông vận tải - CTCP**
- Tên giao dịch quốc tế: **Transport Hospital Joint Stock Company**
- Tên giao dịch viết tắt: **TRAH. JSC**

2.1 Biểu tượng của Bệnh viện



2.2 Trụ sở chính

- Địa chỉ trụ sở: Ngõ 1194 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 3766 4751
- Fax: (84-4) 3766 1799
- Email: info@giaothonghospital.vn
- Website: www.giaothonghospital.vn

2.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 259/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 20/03/2014, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương được thực hiện hoạt động khám chữa bệnh, các kỹ thuật chuyên môn được Bộ Y tế phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép bao gồm 1886 danh mục kỹ thuật. Sau cổ phần hóa, Bệnh viện sẽ

thực hiện đăng ký kinh doanh theo mô hình Công ty cổ phần với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và đăng ký hoạt động chuyên ngành với Bộ Y tế.

Bệnh viện xác định sẽ tiếp tục thực hiện hoạt động khám chữa bệnh, các kỹ thuật chuyên môn theo giấy phép Bộ Y tế đã cấp và các lĩnh vực hoạt động khác như trước CPH. Ngoài ra, để nâng cao năng lực chuyên môn và đổi mới chất lượng phục vụ, Bệnh viện dự kiến bổ sung thêm một số ngành nghề như: liên doanh, liên kết đào tạo trong lĩnh vực y tế, y học; cơ sở thực hành và thực nghiệm nghề nghiệp; nghiên cứu phát triển khoa học kỹ thuật về y tế; dịch vụ ăn uống và cung cấp nhu yếu phẩm... Bệnh viện sẽ tiến hành bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh tại thời điểm thích hợp.

3. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của công ty cổ phần

Cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Giao thông vận tải - CTCP (sau đây gọi tắt là “Bệnh viện Giao thông vận tải”) theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật doanh nghiệp. Bao gồm :

- **Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty;

- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định;

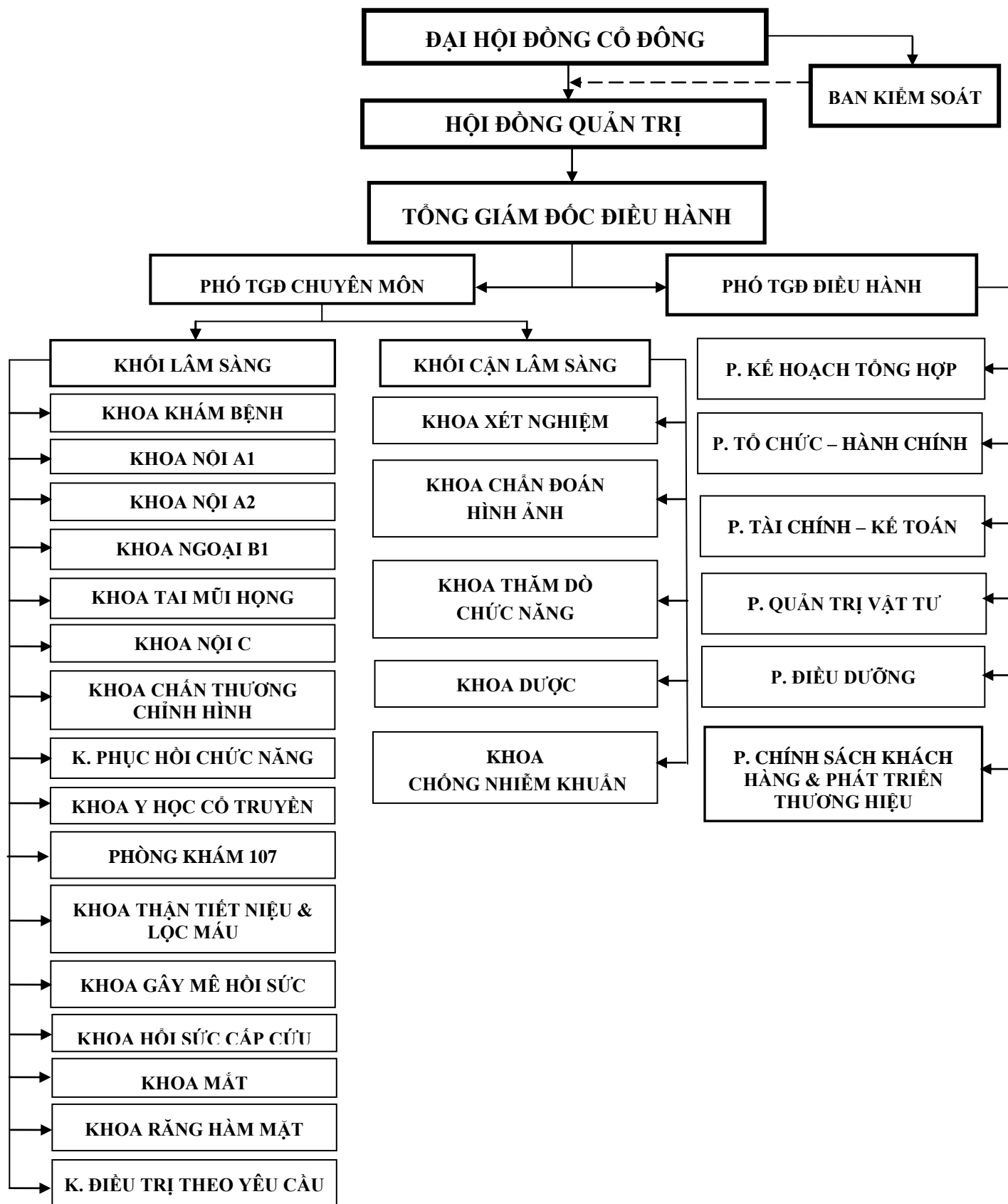
- **Ban Kiểm soát :** là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;

- **Ban điều hành:** bao gồm Tổng giám đốc, Các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- **Các phòng ban quản lý:** tham mưu cho Ban điều hành trong công tác quản trị.

- **Các phòng ban chuyên môn:** thực hiện các nghiệp vụ khám chữa bệnh theo chuyên môn.

**SƠ ĐỒ 2: DỰ KIẾN MÔ HÌNH TỔ CHỨC
BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**



4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

4.1 Cơ sở xây dựng vốn điều lệ

Hiện tại, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đang trong quá triển khai thực hiện “Dự án tòa nhà Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương”, Dự án này có nguồn vốn do Chính phủ cấp từ vốn vay ODA (giữa Chính phủ Việt Nam và Quỹ OPEC về phát triển quốc tế) với tổng mức đầu tư 15 triệu USD, trong đó:

- + Nguồn vay ODA từ Quỹ OPEC về phát triển quốc tế (OFID) là 13,5 triệu USD
- + Nguồn vốn đối ứng 1,5 triệu USD (được bố trí từ dự toán ngân sách hàng năm của Bộ GTVT).

Tại thời điểm 30/6/2014, giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án tòa nhà Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã được ghi nhận xác định và đưa vào giá trị doanh nghiệp là 55.046.192.429 đồng).

Phần giá trị đầu tư còn lại của dự án tòa nhà Bệnh viện ước tính còn khoảng **267,5 tỷ đồng** (ước theo tỉ giá 1USD = 21.500 VND) chưa tính toán đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước khi cổ phần hóa do Dự án chưa hoàn thành, chưa có biên bản nghiệm thu, quyết toán giá trị công trình.

Căn cứ quy định tại Điều 25 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP: “*Kết quả công bố giá trị doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền là cơ sở để xác định quy mô vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu và giá khởi điểm để thực hiện đấu giá bán cổ phần*”. Do đó, Vốn điều lệ của Bệnh viện được xây dựng trên cơ sở Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 4996/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải với giá trị cụ thể như sau:

- + Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/6/2014 là **158.540.231.715** đồng;
- + **Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 136.503.631.437** đồng

4.2 Vốn điều lệ công ty cổ phần

Căn cứ nhu cầu vốn của Bệnh viện giao thông vận tải Trung ương;

Căn cứ kinh nghiệm thực tiễn của hoạt động Bệnh viện các năm trước khi cổ phần hóa và Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa, việc xác định vốn điều lệ nhằm mục tiêu sau khi cổ phần hóa, Bệnh viện có đủ nguồn vốn hoạt động, đảm bảo hiệu quả, có cấu trúc tài chính lành mạnh, làm tiền đề cho sự phát triển ổn định và bền vững.

Việc cổ phần hóa Bệnh viện nhằm mục tiêu huy động nguồn lực từ xã hội để phát triển lĩnh vực y tế và đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng của nhân dân. Trên cơ sở giá trị doanh nghiệp được phê duyệt, có thể xem xét hai phương án xây dựng vốn điều lệ:

+ *Phương án thứ nhất*: Bệnh viện sử dụng kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 4996/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải để làm căn cứ xây dựng mức Vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

+ *Phương án thứ hai*: Xác định mức vốn điều lệ trên cơ sở bao gồm toàn bộ giá trị phần vốn đầu tư của Nhà nước vào Dự án tòa nhà Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương, trị giá dự án khoảng 15 triệu USD, tương đương 322,50 tỷ đồng (gồm giá trị dự án đã được xác định và đưa vào giá trị doanh nghiệp là 55.046.192.429 đồng tại 30/6/2014 và giá trị còn lại chưa có nghiệm thu quyết toán ước khoảng 267,5 tỷ đồng).

Tuy nhiên, việc xác định mức vốn điều lệ theo phương án thứ hai có thể gặp những vướng mắc như sau:

+ Việc đầu tư xây dựng bệnh viện theo dự án ODA đang được triển khai, thi công dở dang, dự án mới nghiệm thu quyết toán một phần do đó chưa đủ cơ sở để đưa giá trị toàn bộ dự án vào xác định giá trị phần vốn của Nhà nước.

+ Trường hợp tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu trên cơ sở vốn điều lệ này thì khi quyết toán quản lý và sử dụng số tiền thu được từ cổ phần hóa sẽ khó xác định phần giá trị thuộc về Nhà nước hay Công ty cổ phần do chưa đủ cơ sở xác định phần giá trị còn lại của dự án ODA (khoảng 267,5 tỷ đồng) thuộc phần vốn của Nhà nước được bán bớt hay của Doanh nghiệp phát hành thêm.

Trên cơ sở đó, Bệnh viện lựa chọn Phương án thứ nhất để xây dựng vốn điều lệ. Căn cứ quy định tại Điều 4 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP về hình thức cổ phần hóa, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã lựa chọn hình thức cổ phần hóa là **“kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ”**. Mức vốn điều lệ của Công ty cổ phần được xác định như sau:

- Vốn điều lệ : **168.000.000.000 đồng** (*Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng*).
- Mệnh giá một cổ phần : **10.000 đồng**
- Số lượng cổ phần : **16.800.000 cổ phần**

Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị cổ phần hóa Bệnh viện, nếu việc quyết toán và nghiệm thu giá trị đầu tư xây dựng dự án ODA hoàn thành trước khi Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa, Bộ GTVT sẽ tiến hành báo cáo, điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo đúng thực tế quyết toán và tiến hành điều chỉnh mức vốn, cơ cấu vốn điều lệ tương ứng trình Chính phủ quyết định.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu vốn điều lệ: Căn cứ văn bản số 3432/VPCP-ĐMDN ngày 14/5/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc thí điểm cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương và Quyết định số 1864/QĐ-BGTVT ngày 19/05/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách thực hiện cổ phần hóa;

Căn cứ vào nhu cầu đầu tư và phát triển lĩnh vực y tế nói chung và Bệnh viện Giao thông vận tải nói riêng.

Căn cứ định hướng của Đảng và Nhà nước trong sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong đó nhà nước chỉ giữ cổ phần chi phối tại các ngành nghề, lĩnh vực trọng yếu, an ninh, quốc phòng được thể chế hóa trong Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và chính sách khuyến khích xã hội hóa hóa đổi với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường nêu tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ.

Để Bệnh viện Giao thông vận tải có nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất - trang thiết bị - máy móc hiện đại ngang tầm với khu vực cần huy động nguồn lực lớn và đầu tư đồng bộ. Do đó, Bệnh viện đã xác định cần các cổ đông, đối tác chiến lược có năng lực tài chính và tỷ lệ tham gia phù hợp để hỗ trợ Bệnh viện phát triển bền vững. Đồng thời để khuyến khích sự tham gia và gắn bó của nhà đầu tư, người lao động khi cổ phần hóa, Bệnh viện đề xuất phương án vốn điều lệ khi cổ phần hóa như sau:

Nhà nước nắm giữ **30%** vốn điều lệ để đảm bảo sự ổn định và kế thừa của Bệnh viện. Đối với nhà đầu tư chiến lược, bán **30%** số cổ phần. Đối với người lao động tại Bệnh viện, ưu đãi mua cổ phần vận dụng ở mức tối đa đối với người lao động, trong đó những lao động là các cán bộ chuyên môn, chuyên gia giỏi, y bác sỹ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đề xuất áp dụng mức mua thêm 800 cổ phần/năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động.

Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông cụ thể dưới đây:

BẢNG BIỂU 8: Cơ cấu vốn điều lệ - Bệnh viện Giao thông Vận tải – CTCP

TT	Danh mục	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	30%	5.040.000	50.400.000.000
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	10,52%	1.768.000	17.680.000.000

TT	Danh mục	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (đồng)
	<i>Trong đó:</i>			
	- <i>Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo năm làm việc trong khu vực nhà nước;</i>	3,46%	582.300	5.823.000.000
	- <i>Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài.</i>	7,06%	1.185.700	11.857.000.000
3	Cổ phần bán cho các nhà đầu tư chiến lược	30%	5.040.000	50.400.000.000
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	29,48%	4.952.000	49.520.000.000
	Cộng	100%	16.800.000	168.000.000.000

4.4 Việc tăng vốn điều lệ sau khi dự án tòa nhà bệnh viện sử dụng vốn vay ODA hoàn thành

Dự án tòa nhà Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương chủ yếu thực hiện từ nguồn vốn vay ODA (tại Mục 4.1 nêu trên). Tính đến 30/6/2014, Dự án đã được hoàn thành khối lượng xây dựng cơ bản với giá trị được ghi nhận vào giá trị doanh nghiệp là: 55.046.192.429 đồng (theo Quyết định số 4996/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải). Phần giá trị đầu tư còn lại của dự án tòa nhà Bệnh viện ước tính còn khoảng **267,5 tỷ đồng** chưa được tính vào giá trị doanh nghiệp để xây dựng quy mô vốn điều lệ lớn hơn (khoảng 435,5 tỷ đồng như nêu tại phần dưới đây).

Do đó, để đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước và các cổ đông và cơ cấu vốn điều lệ không bị biến động sau khi dự án hoàn thành, tuân thủ đúng định hướng của Đảng và Nhà nước trong sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp, trong đó Nhà nước chỉ giữ cổ phần chi phối tại các ngành nghề, lĩnh vực trọng yếu, an ninh, quốc phòng được thể chế hóa trong Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và chính sách khuyến khích xã hội hóa hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường nêu tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ, Bệnh viện kính trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa trình Chính phủ xem xét thông qua phương án xử lý khi dự án đầu tư sử dụng vốn ODA hoàn thành như sau:

Dự kiến vào Quý III/2015, sau khi Dự án đầu tư mới tòa nhà Bệnh viện GTVT (sử dụng nguồn vốn vay ODA nêu trên) có quyết toán thực tế công trình hoàn thành, phần giá trị đầu tư còn lại (khoảng 267,5 tỷ đồng) sẽ được bổ sung tăng vốn điều lệ và được

tính vào giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần. Khi đó, dự kiến vốn điều lệ Công ty cổ phần tăng lên từ 168 tỷ đồng (năm 2015) lên mức 435,5 tỷ đồng và tỷ lệ phần vốn Nhà nước sẽ tăng lên tương ứng **khoảng 73%** trên mức vốn điều lệ là **435,5 tỷ đồng**.

Các nội dung đề xuất trên sẽ được đưa vào quy định khi thỏa thuận bán cổ phần cho các đối tác chiến lược, khi bán cổ phần lần đầu cho các nhà đầu tư và thông qua ngay tại kỳ Đại hội cổ đông lần đầu của Công ty cổ phần. Sau khi hoàn thành quyết toán và tăng vốn Nhà nước, Nhà nước sẽ tiếp tục thực hiện thoái vốn để chỉ giữ tối đa 30% vốn điều lệ và việc thoái vốn sẽ ưu tiên bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ.

Trong trường hợp, việc quyết toán và nghiệm thu giá trị đầu tư xây dựng bệnh viện hoàn thành trước khi Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa, Bộ GTVT sẽ tiến hành báo cáo, điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo đúng thực tế phát sinh và tiến hành điều chỉnh mức vốn, cơ cấu vốn điều lệ tương ứng để trình Chính phủ phê duyệt.

5. Đối tượng mua cổ phần

5.1 Đối tượng mua cổ phần

Theo Điều 6 của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản hướng dẫn thi hành, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm :

- Cán bộ công nhân viên của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương (người lao động đang làm việc tại Bệnh viện, các Phòng khám 107) có mặt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 26/12/2014.
- Tổ chức Công đoàn Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương.
- Các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
- Nhà đầu tư chiến lược: Bao gồm các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài có năng lực tài chính, có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài, hỗ trợ Bệnh viện Giao thông vận tải sau cổ phần hóa và thực hiện theo quy định của luật pháp Việt Nam.

5.2 Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên theo năm làm việc trong khu vực nhà nước

Cổ phần ưu đãi giảm giá (giá bán bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược trong trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước) theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

- Tổng số lao động trong danh sách cán bộ công nhân viên của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 26/12/2014: **459 người**.

- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 429 người; 30 người không đủ điều kiện do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm.
- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 429 người; không có người nào đủ điều kiện nhưng không đăng ký mua cổ phần.
- Tổng số năm làm việc trong khu vực nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: **5.823 năm**.
- Số cổ phần giá ưu đãi của 429 cán bộ công nhân viên đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước: **582.300 cổ phần**.

(Danh sách người lao động mua theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước kèm theo).

5.3 Cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên theo năm cam kết làm việc tại công ty cổ phần.

Đối tượng được quyền mua: Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Bệnh viện tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc tiếp lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm. Số lượng cổ phần được mua và giá mua cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần

Tiêu chí bán cổ phần cho người lao động mua thêm theo năm cam kết làm việc tại Bệnh viện:

Căn cứ tình hình thực tế của Bệnh viện, là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực y tế và có nhu cầu cao đối với các lao động có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi. Ngoài ra, do đặc thù hoạt động, Bệnh viện cần cơ cấu nhân sự ổn định và gắn bó lâu dài của người lao động, do đó, Bệnh viện đề xuất các tiêu chí nhằm khuyến khích người lao động mua cổ phần, gắn bó với đơn vị như sau:

- **Mức mua 200 cổ phần/năm cam kết làm việc:** Toàn bộ người lao động có thời gian làm việc còn lại trên 3 năm và có cam kết làm việc lâu dài tại Bệnh viện trừ những lao động có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi đã được hội nghị người lao động biểu quyết thông qua được mua theo mức 800 cổ phần/năm cam kết làm việc. Người lao động được quyền mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm nhưng không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.
- **Mức mua 800 cổ phần/năm cam kết làm việc:** những người lao động đạt các tiêu chí sau được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm nhưng không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động:
 - + Lao động ký hợp đồng không thời hạn
 - + Lao động còn từ 3 năm công tác trở lên
 - + Lao động có trình độ từ đại học trở lên
 - + Luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao

Bệnh viện đã tổ chức thông qua tiêu chí và đăng ký mua cổ phần công khai minh bạch đến người lao động, tổng hợp kết quả khi kết thúc thời gian đăng ký như sau:

- Tổng số lao động trong danh sách cán bộ công nhân viên của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 26/12/2014: **459 người**.
- Tổng số lao động đăng ký mua cổ phần theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần là **334 lao động**. Trong đó:
 - + **202 người** lao động đăng ký mua 200 CP/1 năm cam kết: **371.300 cổ phần**
 - + **132 người** lao động đăng ký mua 800 CP/1 năm cam kết: **814.400 cổ phần**
- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm: **1.185.700 cổ phần**
(Danh sách người lao động đăng ký mua thêm kèm theo).

Giá bán cổ phần cho người lao động mua thêm: bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (dự kiến: 10.000 đồng/cổ phần).

5.4 Cổ phần bán cho Tổ chức Công đoàn

Do nguồn quỹ hạn chế, Tổ chức Công đoàn tại Bệnh viện không tham gia mua cổ phần trong đợt phát hành lần đầu để cổ phần hóa của doanh nghiệp.

5.5 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Mục tiêu tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược của Bệnh viện là nhằm giúp Bệnh viện nâng cao năng lực quản trị và năng lực điều hành; nâng cao năng lực tài chính; Chuyển giao công nghệ mới; áp dụng công nghệ tiên tiến trong khám chữa bệnh và điều trị; Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Cung ứng vật tư – thiết bị y tế; Nâng cao năng lực cạnh tranh của Bệnh viện theo hướng điều trị chuyên sâu; Liên kết đầu tư, phát triển năng lực cung cấp dịch vụ y tế theo chiến lược phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

❖ Tiêu chí nhà đầu tư chiến lược của Bệnh viện dự kiến như sau:

- Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khám chữa bệnh, dịch vụ y tế có mức vốn chủ sở hữu không thấp hơn 200 tỷ đồng hoặc các nhà đầu tư tài chính có vốn chủ sở hữu không thấp hơn 1.000 tỷ đồng. Trong đó ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng cả 2 tiêu chí nêu trên.
- Đối tác chiến lược có Báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm gần nhất, kết quả kinh doanh có lãi, không có lỗ lũy kế. Doanh nghiệp có năng lực tài chính, năng lực quản trị tốt và đủ nguồn góp vốn.
- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu là 05 năm tính từ khi công ty cổ phần

được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về chấp thuận lộ trình tăng vốn của doanh nghiệp khi thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.
- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với Bệnh viện và hỗ trợ Bệnh viện trong một hoặc một số lĩnh vực sau:

Nâng cao năng lực quản trị và năng lực điều hành; Nâng cao năng lực tài chính; Chuyển giao công nghệ mới; áp dụng công nghệ tiên tiến trong khám chữa bệnh và điều trị; Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Cung ứng vật tư – thiết bị y tế; Nâng cao năng lực cạnh tranh của Bệnh viện theo hướng điều trị chuyên sâu; Liên kết đầu tư, phát triển năng lực cung cấp dịch vụ y tế theo chiến lược phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc bán cổ phần cho các đối tác chiến lược được đề xuất như sau:

- ❖ **Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 5.040.000** cổ phần, tương ứng 30% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

Như đã phân tích ở trên, hiện nay đa phần các cơ sở vật chất của Bệnh viện Giao thông vận tải đã được xây dựng và đầu tư từ lâu. Do đó, để Bệnh viện có nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất - trang thiết bị - máy móc hiện đại ngang tầm với khu vực cần huy động nguồn lực lớn và đầu tư đồng bộ. Ngoài ra, Bệnh viện còn cần sự hỗ trợ và hợp tác trong việc chuyển giao công nghệ, nâng cao chất lượng nhân sự và chất lượng khám chữa bệnh... Vì vậy, sự tham gia của các đối tác chiến lược có kinh nghiệm trong lĩnh vực y tế, năng lực quản trị điều hành, năng lực tài chính tốt và tỷ lệ tham gia phù hợp là yếu tố cần thiết để hỗ trợ Bệnh viện phát triển bền vững. Do đó để khuyến khích sự tham gia của các cổ đông trong xây dựng và phát triển Bệnh viện và sự gắn bó của người lao động khi cổ phần hóa, Bệnh viện đề xuất tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược ở mức 5.040.000 cổ phần, tương ứng 30% vốn điều lệ.

- ❖ **Thời điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:** Bệnh viện sẽ thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trước khi thực hiện đấu giá bán cổ phần.

- ❖ **Phương thức và giá bán cho nhà đầu tư chiến lược:**

- Phương thức bán: Bán thỏa thuận. Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua với tổng số cổ phần đăng ký mua lớn hơn tổng số cổ phần chào bán thì Bệnh viện sẽ tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược đã đăng ký theo quy định hiện hành.

- Giá bán: Theo kết quả thỏa thuận được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo kết quả đấu giá.

Trên đây là những nội dung cơ bản mang tính chất nguyên tắc của tiêu chí nhà đầu tư chiến lược. Sau khi được Chính phủ phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan có thẩm quyền sẽ xây dựng các tiêu chí cụ thể bán cổ phần và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định.

Trong trường hợp Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và các cơ quan có thẩm quyền lựa chọn được Nhà đầu tư chiến lược có năng lực tốt, có cam kết và chiến lược cụ thể, rõ ràng về việc nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và phát triển Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương theo hướng tiên tiến hiện đại; đồng thời Nhà đầu tư chiến lược có đề xuất về việc mua thêm cổ phần. Bệnh viện kiến nghị Chính phủ cho phép giảm số cổ phần bán đấu giá công khai và tăng cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược ở mức tối đa bằng 51% vốn điều lệ.

5.6 Cổ phần bán đấu giá công khai

Số cổ phần bán đấu giá sẽ được bán cho các nhà đầu tư theo hình thức bán đấu giá công khai thông qua Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt. Cụ thể như sau:

Số cổ phần tổ chức bán đấu giá công khai: 4.952.000 cổ phần (tương đương 29,48% vốn điều lệ đề xuất).

- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Đơn vị tư vấn bán đấu giá: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

6. Tổ chức bán cổ phần

6.1 Thời gian bán cổ phần

Sau khi được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt phương án cổ phần hóa, Bệnh viện sẽ triển khai bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược trước. Sau đó tiến hành bán cổ phần cho người lao động và bán đấu giá bán cổ phần.

6.2 Giá khởi điểm

Giá khởi điểm bán cổ phần được đề xuất dựa trên cơ sở tham khảo các phương pháp: Phương pháp dòng tiền chiết khấu, phương pháp so sánh hệ số Giá/Thu nhập mỗi cổ phần (P/E).

❖ Xác định giá khởi điểm theo phương pháp dòng tiền chiết khấu

Căn cứ Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, giá trị vốn chủ sở hữu theo phương pháp dòng tiền chiết khấu được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị thực tế} \\ \text{vốn chủ sở hữu} = \sum_{i=1 \rightarrow n} \frac{D_i}{(1+K)^i} + \frac{P_n}{(1+K)^n} + \text{Chênh lệch về giá trị} \\ \text{quyền sử dụng đất đã được} \\ \text{giao, hoặc chênh lệch về} \\ \text{tiền thuê đất của số năm} \\ \text{thuê đất đã trả tiền còn lại} \\ \text{ghi tăng vốn (nếu có)}$$

Trong đó:

$$\frac{D_i}{(1+K)^i} \quad : \text{ là Giá trị hiện tại của cổ tức năm thứ } i$$

$$\frac{P_n}{(1+K)^n} \quad : \text{ là Giá trị hiện tại của phần vốn chủ sở hữu năm thứ } n$$

i : thứ tự các năm kế tiếp kể từ năm xác định giá trị doanh nghiệp ($i: 1 \rightarrow n$).

D_i : Khoản lợi nhuận sau thuế dùng để chia cổ tức năm thứ i .

n : Là số năm tương lai được lựa chọn (3 - 5 năm).

P_n : Giá trị phần vốn chủ sở hữu năm thứ n và được xác định theo công thức:

$$P_n = \frac{D_{n+1}}{K - g}$$

D_{n+1} : Khoản lợi nhuận sau thuế dùng để chia cổ tức dự kiến của năm thứ $n+1$

K : Tỷ lệ chiết khấu hay tỷ lệ hoàn vốn cần thiết của các nhà đầu tư khi mua cổ phần và được xác định theo công thức:

$$K = R_f + R_p$$

R_f : Tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro, chỉ tiêu này được tính bằng lãi suất của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm đã phát hành ở thời điểm gần nhất với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

R_p : Tỷ lệ phụ phí rủi ro khi đầu tư mua cổ phần của các công ty ở Việt Nam, chỉ tiêu này được xác định theo bảng chỉ số phụ phí rủi ro chứng khoán quốc tế tại niên giám định giá hoặc do các công ty định giá xác định cho từng doanh nghiệp nhưng không vượt quá tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro (R_f).

g : Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của cổ tức và được xác định như sau: $g = b \times R$

Trong đó: b là tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để lại bổ sung vốn.

R là tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân của các năm tương lai.

Tính toán các tham số của mô hình

Số liệu về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức 3 năm tiếp theo được tính theo kế hoạch kinh doanh dự kiến.

$R_f = 5,3\%/năm$. Mức lãi suất này căn cứ vào kết quả của phiên đấu thầu Trái phiếu Chính phủ (Trái phiếu Kho bạc Nhà nước) kỳ hạn 5 năm diễn ra ngày 15/11/2014 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

R_p : Căn cứ vào ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời dựa trên yếu tố thị trường và mức sinh lợi kỳ vọng về đầu tư cũng như kinh nghiệm định giá, phân bù rủi ro 3,00% ước phù hợp với việc định giá cổ phần Công ty trong tình hình hiện tại.

Trên cơ sở này ta có bảng tính:

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	2015	2016	2017
1	Vốn điều lệ	168.000.000.000	435.500.000.000	435.500.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	7.800.000.000	9.600.000.000	12.000.000.000
3	Tỷ lệ cổ tức	3%	2%	2%
4=3x1	Tiền trả cổ tức	5.040.000.000	8.710.000.000	8.710.000.000
5=2-4	LN giữ lại bổ sung vốn	2.760.000.000	890.000.000	3.290.000.000
6=5/2	Tỷ lệ LNST để lại bổ sung vốn (b)	35,38%	9,27%	27,42%
7=1+5	NVCSH cuối năm	170.760.000.000	439.150.000.000	442.440.000.000
8=2/7	Tỷ suất LNST/VCSH (r)	4,57%	2,19%	2,71%
9	$b_{\text{bình quân}} = (6)_{\text{bình quân}}$	24,02%		
10	$R_{\text{bình quân}} = (8)_{\text{bình quân}}$	3,16%		
11	$g = b_{\text{bình quân}} \times R_{\text{bình quân}}$	0,76%		
	Giá trị cuối kỳ $P_n (= D_{n+1}/(K-g))$			115.487.305.498
	Giá trị nguồn vốn Chủ sở hữu	109.854.617.483		

Với quy mô vốn công ty cổ phần được xây dựng ban đầu là 168.000.000.000 đồng, tương đương 16.800.000 cổ phần, quy đổi ta có giá trị hiện tại mỗi cổ phiếu theo phương pháp dòng tiền chiết khấu là: **6.539 đồng/cổ phiếu.**

❖ **Xác định giá khởi điểm theo phương pháp so sánh sử dụng hệ số Giá/Thu nhập mỗi cổ phần (P/E).**

Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương là đơn vị tiến hành thí điểm cổ phần hoá và hiện chưa có doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khám chữa bệnh niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nên không có dữ liệu so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành. Do đó, Bệnh viện tiến hành so sánh chỉ số P/E của một số doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh trong lĩnh vực dược phẩm và thiết bị y tế hiện đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chi tiết như sau:

TT	Công ty	Mã giao dịch	Giá cổ phiếu (ngày 31/12/2014)	P/E (theo EPS bình quân 4 quý gần nhất)
1	CTCP Thiết bị y tế Việt Nhật	JVC	16.000	8,00
2	Tổng công ty cổ phần Y tế Danameco	DNM	36.800	5,96
3	CTCP Traphaco	TRA	73.000	13,59
4	CTCP Dược Hậu Giang	DHG	93.000	15,07
5	CTCP Dược Hà Tây	DHT	31.600	3,54
	Bình quân			9,23

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) của Công ty (ước tính năm 2015): **464** đồng

Giá sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty (ước tính năm 2015): **10.000** đồng/cổ phần (được ước tính trên cơ sở sau khi hoàn thành cổ phần hóa dự kiến trong năm 2015 và giả thiết Bệnh viện không có thặng dư vốn cổ phần).

Kết quả định giá theo phương pháp so sánh sử dụng hệ số P/E: $9,23 \times 464 = \mathbf{8.821}$ đồng/cổ phần

Căn cứ vào các kết quả định giá nêu trên, Bệnh viện đề xuất mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần: **10.000đ/1 cổ phần**. Mức giá đề xuất để tiến hành thương thảo với đối tác chiến lược cũng là **10.000đ/1 cổ phần**.

6.3 Cơ quan bán cổ phần

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, toàn bộ số cổ phần bán đấu giá của Công ty cổ phần sẽ được tổ chức bán tại Sở giao dịch chứng khoán. Bệnh viện đề xuất lựa chọn Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội làm tổ chức trung gian thực hiện đấu giá và Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt làm tổ chức tư vấn thực hiện đấu giá.

7. Chi phí cổ phần hóa

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa 30/6/2014, tổng giá trị tài sản trên sổ kế toán Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương là **66.854.007.023** đồng. Trên cơ sở giá trị tài sản của Bệnh viện, đơn vị đã lập dự toán chi phí cổ phần hóa. Tuy nhiên, đơn vị là Bệnh viện đầu tiên tiến hành thí điểm cổ phần hóa Bệnh viện công lập nên phát sinh khối lượng công việc lớn và có nhiều khó khăn và vướng mắc trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án, do đó chi phí cổ phần hóa được dự toán là: **1.190.000.000 đồng**. Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa. Chi tiết dự toán như sau:

BẢNG BIỂU 9 : Dự toán chi phí cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông vận tải

TT	Khoản mục	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)×(3)
1	Các chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp				250.000.000
1.1	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp	Đầu mối	5	9.000.000	45.000.000
1.2	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản	Đầu mối	10	7.000.000	70.000.000
1.3	Chi phí đại hội công nhân viên chức để triển khai cổ phần hóa	Toàn bộ	1	45.000.000	45.000.000
1.4	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp	Toàn bộ	3	10.000.000	30.000.000
1.5	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu	Toàn bộ	1	60.000.000	60.000.000
2	Tiền thuê Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp (Cả VAT)	Toàn bộ	1	180.000.000	180.000.000
3	Tiền thuê Tư vấn cổ phần hoá và Tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu (Cả	Toàn bộ	1	160.000.000	160.000.000

TT	Khoản mục	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)×(3)
	VAT)				
4	Phí trả Sở GD chứng khoán: $0,3\% \times$ Tổng số tiền thu về từ bán đấu giá	Tối đa	1	150.000.000	150.000.000
5	Thù lao cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc				350.000.000
5.1	Thù lao cho thành viên Ban chỉ đạo			2.500.000	180.000.000
5.2	Thù lao cho thành viên Tổ giúp việc			1.500.000	170.000.000
6	Các chi phí khác có liên quan	Toàn bộ	1	100.000.000	100.000.000
	Tổng cộng				1.190.000.000

8. Quản lý và sử dụng số tiền thu được từ cổ phần hóa

Tổng số tiền thu được từ cổ phần hoá doanh nghiệp sẽ được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa. Việc tính toán số tiền này dựa trên các giả định: giá bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược bằng giá khởi điểm theo đề xuất (10.000 đồng/cổ phần), giá đấu giá thành công bằng giá khởi điểm (10.000 đồng/cổ phần) và số lượng cổ phần chào bán được bán hết. Số liệu cuối cùng sẽ căn cứ theo kết quả thực tế quá trình bán cổ phần để cổ phần hóa của Bệnh viện.

BẢNG BIỂU 10: Tính toán tiền thu từ cổ phần hóa

TT	Nội dung chi tiết	ĐVT	Diễn giải	Giá trị
1	Vốn nhà nước hiện có	Đồng	QĐ phê duyệt GTDN	136.503.631.437
2	Cơ cấu vốn điều lệ	“	Dự kiến	168.000.000.000
a	Nhà nước 30%	“	Ban Chỉ đạo đề nghị	50.400.000.000
b	Cổ đông khác 70%	“	= Mục 2 - 2a	117.600.000.000
3	Bán phần vốn Nhà nước	“	= (mục 1- 2a)	86.103.631.437
4	Số vốn phát hành thêm	“	= (mục 2 – 1)	31.496.368.563
5	Số cổ phần phát hành thêm	CP	= Mục 4/10.000 đ/CP	3.149.637

TT	Nội dung chi tiết	ĐVT	Diễn giải	Giá trị
6	Tổng số cổ phần phát hành (Bán bớt phần vốn nhà nước + Phát hành thêm)	CP	= mục 2b:10.000 đ/CP	11.760.000
7	Cơ cấu cổ phần phát hành	CP	= mục 6	11.760.000
<i>a</i>	<i>Bán theo giá ưu đãi cho người lao động tại doanh nghiệp theo năm làm việc trong khu vực nhà nước</i>	“	<i>Danh sách kèm theo</i>	582.300
<i>b</i>	<i>Bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp</i>	“	<i>Danh sách kèm theo</i>	1.185.700
<i>c</i>	<i>Tổ chức công đoàn</i>	“	-	0
<i>d</i>	<i>Bán cho các nhà đầu tư chiến lược</i>	“	<i>Danh sách kèm theo</i>	5.040.000
<i>e</i>	<i>Bán đấu giá công khai</i>	“	<i>= mục 6 - 6a - 6b-6c - 6d</i>	4.952.000
8	Dự kiến giá bán	đ/CP		
<i>a</i>	<i>Giá khởi điểm bán đấu giá công khai</i>	“	<i>Đề xuất</i>	10.000
<i>b</i>	<i>Giá bán cổ phần ưu đãi cho NLD theo năm làm việc trong khu vực nhà nước</i>	“	<i>= mục 8e x 60%</i>	6.000
<i>c</i>	<i>Giá bán cổ phần ưu đãi cho NLD theo cam kết làm việc lâu dài</i>	“	<i>= mục 8e</i>	10.000
<i>d</i>	<i>Giá bán cho Tổ chức Công đoàn</i>	“	<i>= mục 8e x 60%</i>	6.000
<i>e</i>	<i>Giá bán cho các Nhà đầu tư chiến lược</i>	“	<i>Đề xuất bằng mục 8a</i>	10.000
9	Số tiền thu từ phát hành cổ phần	Đồng		115.270.800.000
<i>a</i>	<i>Bán cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước</i>	“	<i>= mục 7a x 8b</i>	3.493.800.000
<i>b</i>	<i>Bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài</i>	“	<i>= mục 7b x 8c</i>	11.857.000.000
<i>c</i>	<i>Bán cho Tổ chức công đoàn</i>	“	<i>= mục 7c x 8d</i>	0
<i>d</i>	<i>Bán cho các nhà đầu tư chiến lược</i>	“	<i>= mục 7d x 8e</i>	50.400.000.000

TT	Nội dung chi tiết	ĐVT	Diễn giải	Giá trị
e	Bán đấu giá công khai	“	= mục 7e x 8a	49.520.000.000
10	Tổng số tiền thu sau phát hành	Đồng	= mục 9	115.270.800.000
a	Để lại doanh nghiệp bằng mệnh giá cổ phần phát hành thêm	“	= mục 4	31.496.368.563
b	Số tiền thu từ bán vốn Nhà nước còn lại	“	= mục 11 -11a	83.774.431.437
c	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	“	Theo dự toán	1.190.000.000
d	Chi phí giải quyết chế độ người lao động	“	Theo phương án	1.647.446.367
e	Số tiền dự kiến hoàn về Ngân sách	“	= mục 10b -10c-10d	80.936.985.070

9. Sắp xếp lại lao động

Sau Quyết định số 1864/QĐ-BGTVT ngày 19/05/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã từng bước thực hiện phương án sắp xếp lại tổ chức bộ máy và nhân lực, cụ thể như sau:

9.1 Kế hoạch sắp xếp lao động

BẢNG BIỂU 11: Kế hoạch sắp xếp lao động Bệnh viện

TT	Đơn vị	Lao động có tại thời điểm 26/12/2014	Lao động không có nhu cầu sử dụng	Lao động cần sử dụng chuyển sang công ty cổ phần
1	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	09	0	09
2	Phòng Tài chính Kế toán	19	0	19
3	Phòng Tổ chức Hành chính	16	03	13
4	Phòng Quản trị vật tư	21	03	18
5	Phòng điều dưỡng	03	0	03
6	Khoa khám bệnh	26	03	23
7	Khoa Hồi sức cấp cứu	26	0	26
8	Khoa Nội A1	26	0	26
9	Khoa Nội A2	14	01	13
10	Khoa Ngoại B1	40	03	37

11	Khoa Tai mũi họng	12	0	12
12	Khoa Nội C	23	02	21
13	Khoa Chấn thương chỉnh hình	25	0	25
14	Khoa phục hồi chức năng	09	0	09
15	Khoa Đông y	13	0	13
16	Phòng khám 107	10	02	08
17	Khoa Thận tiết niệu và Lọc máu	22	0	22
18	Khoa Gây mê hồi sức	21	0	21
19	Khoa Mắt	12	0	12
20	Khoa Răng hàm mặt	12	0	12
21	Khoa Điều trị theo yêu cầu	16	0	16
22	Khoa xét nghiệm	22	02	20
23	Khoa chẩn đoán hình ảnh	22	0	22
24	Khoa thăm dò chức năng	09	0	09
25	Khoa Dược	21	0	21
26	Khoa Chống nhiễm khuẩn	10	02	08
	Cộng	459	21	438

9.2 Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động không bố trí được việc làm ở công ty cổ phần tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã xây dựng phương án sắp xếp lao động (có danh sách kèm theo) cụ thể như sau:

9.2.1 Tổng số lao động nghỉ việc theo Nghị định 91/2010/NĐ-CP: 21 người

Số tiền chi trả cho người lao động nghỉ việc theo quy định tại Nghị định 91/2010/NĐ-CP: **1.647.446.367 đồng**, dự kiến chi từ nguồn thu bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

9.2.2 Tổng số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động: 0 người

9.2.3 Tổng số lao động nghỉ hưu theo Bộ luật lao động: 0 người

9.2.4 Nguồn chi

Đối với các lao động được sử dụng nguồn tiền thu từ bán cổ phần theo quy định

tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Điều 11 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 hướng dẫn thi hành Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Bệnh viện sẽ sử dụng nguồn thu từ bán cổ phần để chi trả và giải quyết chế độ cho người lao động.

Đối với các trường hợp tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động (nếu có) và các trường hợp mất việc được giải quyết theo quy định của Bộ luật lao động, chi phí giải quyết cho các trường hợp này sẽ được hạch toán vào chi phí trong năm tài chính của Bệnh viện. Cụ thể dự kiến như sau:

Nguồn chi từ tiền thu bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp : **1.647.446.367** đồng.

9.3 Phương án chia số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Bệnh viện được chia số dư của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi theo số năm người lao động công tác tại Công ty vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Số dư của Quỹ khen thưởng phúc lợi, tính đến ngày 30/06/2014 là **5.459.827.427 đồng** được chia cho người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên của Bệnh viện tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo thời gian làm việc thực tế tại Bệnh viện tính từ thời điểm tuyển dụng đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo đúng quy định của pháp luật.

9.4 Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2015-2017

Số lượng lao động cần đào tạo: 75 lượt người, ngành nghề và thời gian đào tạo như sau:

BẢNG BIỂU 12: Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại tại Bệnh viện

TT	Chương trình đào tạo và đào tạo lại	Số lượng (người)	Kinh phí (đồng)	Thời gian
1	Nghiệp vụ Tài chính kế toán	5	5.000.000/người	2015-2018
2	Nghiệp vụ Quản lý nhân sự, tiền lương	5	5.000.000/người	2015-2017
3	Nghiệp vụ Quản lý vật tư, kho hàng	5	5.000.000/người	2015-2017
4	Nghiệp vụ Điều dưỡng	35	8.000.000/người	2015-2018
5	Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn Bác sỹ	25	10.000.000/người	2015-2017
	Tổng cộng	75		

10. Phương án sử dụng đất đai

Hiện tại, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đang quản lý diện tích đất thực tế khoảng 20.983,8 m² (=21.291,4m² – 307,8m²) tại Ngõ 1194 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định sửa đổi bổ sung số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013, Bệnh viện đã có văn bản số 491/BV-TGV ngày 02/10/2014 gửi UBND thành phố Hà Nội về phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa theo phương án Nhà nước cho thuê đất không thu tiền sử dụng đất vận dụng trên cơ sở quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

Các diện tích đất tại Ngõ 1194 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Mặt khác, đặc thù các diện tích của Bệnh viện đều phục vụ xây dựng các công trình khám chữa bệnh; sân vườn, cây xanh, cảnh quan hỗ trợ điều trị nên Bệnh viện đề xuất phương án tiếp tục được Nhà nước cho thuê đất, miễn tiền thuê đất cho các diện tích đất đang thực tế quản lý nhằm giảm thiểu áp lực chi phí lên giá thành viện phí và hoạt động cung cấp dịch vụ y tế của Bệnh viện.

Dự kiến kế hoạch sử dụng đất của Bệnh viện sau khi cổ phần hóa tại Ngõ 1194 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội như sau:

TT	Tên lô đất	Diện tích đất xây dựng hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh (m ²)	Diện tích đất sân vườn, cây xanh, cảnh quan hỗ trợ điều trị (m ²)	Diện tích xây dựng công trình phục vụ khám chữa bệnh (m ²)	Tổng số (m ²)	Ghi chú
A	Các khu đất không thuộc quy hoạch mở đường	5.820,91	7.599,81	5.711,28	19.132,00	
1	Khu A	19,6	0	0	19,6	Theo bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 cấp ngày 13/7/2012
2	Khu B	5.801,31	7.599,81	5.625,48	19.026,60	
3	Khu C	0	0	24,2	24,2	
4	Khu D	0	0	16,5	16,5	
5	Khu G	0	0	45,1	45,1	Giếng khoan
B	Các khu đất nằm trong quy hoạch mở đường				1.851,80	

TT	Tên lô đất	Diện tích đất xây dựng hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh (m ²)	Diện tích đất sân vườn, cây xanh, cảnh quan hỗ trợ điều trị (m ²)	Diện tích xây dựng công trình phục vụ khám chữa bệnh (m ²)	Tổng số (m ²)	Ghi chú
1	Khu H	Đơn vị sử dụng nguyên hiện trạng, khi Nhà nước thu hồi, bàn giao lại theo quy định			504,5	
2	Khu K				1.212,20	
3	Khu L				53,3	
4	Khu M				81,8	
C	Cộng				20.983,8	

Ngày 19/12/2014, Sở Tài chính - đại diện liên ngành thành phố Hà Nội, đã có văn bản số 7381/STC-QLCS ngày 19/12/2014 báo cáo UBND thành phố Hà Nội về phương án sử dụng đất của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương trên địa bàn thành phố Hà Nội để thực hiện cổ phần hóa, có ý kiến như sau:

+ Đề nghị đơn vị báo cáo Bộ Giao thông vận tải có văn bản gửi Bộ Tài chính và UBND thành phố về việc thay đổi phương án sắp xếp, xử lý nhà đất theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với việc điều chuyển 307,6m² cho Trung tâm Giám định y khoa GTVT; và làm rõ quyền sử dụng đất tại một số phòng tầng 1 đang làm phòng khám tại 107 Trần Hưng Đạo, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

+ Đơn vị tiếp tục sử dụng 19.414,6m² làm bệnh viện phù hợp với quy hoạch của Thành phố; Đơn vị có trách nhiệm quản lý 1.876,8 m² đất nằm trong quy hoạch mở đường không được xây dựng công trình kiên cố đến khi nhà nước thu hồi phải bàn giao theo quy định.

+ Khi có phương án thay đổi xử lý nhà đất theo quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Liên ngành sẽ xem xét lại phương án sử dụng đất của đơn vị và báo cáo UBND thành phố phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa theo quy định.

Ngày 29/12/2014, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã có Biên bản làm việc với Tổng công ty đường sắt Việt Nam về khuôn viên đất số 107 phố Trần Hưng Đạo, Hà Nội. Theo đó Tổng công ty đường sắt Việt Nam đã kê khai địa chỉ nhà, đất trên theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và được Cục Công sản – Bộ Tài chính có văn bản số 12859/BTC-TC ngày 20/9/2013 về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 02 cơ sở nhà, đất của Tổng công ty đường sắt Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương chấp thuận giao lại diện tích tại số 107 phố Trần Hưng Đạo, Thành phố Hà Nội để Tổng Công ty đường sắt Việt Nam sử dụng theo xử lý, sắp xếp nhà đất đã được Cục Công sản – Bộ Tài chính phê duyệt.

Ngày 09/01/2015, Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 270/BGTVT-TC về phương án sử dụng đất của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương tại số 107 phố Trần Hưng Đạo, Hà Nội gửi UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 03/3/2015, UBND thành phố Hà Nội đã có văn bản số 1486/UBND-KT về phương án sử dụng đất của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương trên địa bàn thành phố khi thực hiện cổ phần hóa, theo đó UBND thành phố có ý kiến như sau:

“Đối với cơ sở nhà, đất tại ngõ 1194 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa:

Đồng ý về chủ trương cho Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương được tiếp tục quản lý, sử dụng với diện tích sử dụng đất là 19.132m² đất, nằm ngoài chỉ giới đường đỏ để làm Bệnh viện;

Đối với 1.851,8m² đất nằm trong quy hoạch mở đường, yêu cầu đơn vị sử dụng nguyên trạng, khi Nhà nước thu hồi, phải bàn giao theo quy định.

Chấp thuận về chủ trương cho Trung tâm Giám định y khoa Giao thông vận tải được sử dụng: 307,6m² (gồm: Khu E: diện tích 282,6m² để làm cơ sở hoạt động sự nghiệp; khu N: 24m² và khu P: 01m² nằm trong quy hoạch mở đường, khi Nhà nước thu hồi, phải bàn giao theo quy định) theo Quyết định số 3915/QĐ-BGTVT ngày 16/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chuyển khu đất của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương cho Trung tâm giám định y khoa Giao thông vận tải. Tuy nhiên, Bộ Giao thông vận tải phải được Bộ Tài chính chấp thuận điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất theo Quyết định số 09/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với cơ sở nhà, đất tại số 107 Trần Hưng Đạo, quận Hai Bà Trưng: đề nghị thực hiện theo Văn bản số 12859/BTC-QLCS ngày 20/9/2013 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất của Tổng công ty đường sắt Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương và Trung tâm Giám định y khoa Giao thông vận tải có trách nhiệm liên hệ với các cấp, các ngành để hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định.”

III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BỆNH VIỆN SAU CỔ PHẦN HÓA.

1. Một số dự báo

1.1. Tình hình kinh tế - xã hội

Nền kinh tế Việt Nam theo số liệu của Tổng cục Thống kê đạt tốc độ tăng GDP 5,98% trong năm 2014 và có thể đạt 6 – 6,2% năm 2015 (nguồn Dự báo của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia). Dự báo nền kinh tế duy trì đà tăng trưởng đem lại kỳ vọng trong các lĩnh vực kinh doanh, trong đó có lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, y tế.

Khu vực Hà Nội tập trung mật độ dân số vào loại cao nhất cả nước, bên cạnh đó nhân dân các tỉnh thành khác thường có xu hướng điều trị y tế tại các bệnh viện có

chuyên môn cao tại Hà Nội do đó nhu cầu chăm sóc sức khỏe và y tế đặt ra nhiều yêu cầu bức thiết như tình trạng quá tải bệnh nhân, bệnh nhân khám bảo hiểm y tế vượt tuyến...

Với tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam có nhiều khả quan, nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân sẽ tăng lên với các yêu cầu khác nhau về chất lượng, giá cả, hiệu quả điều trị. Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương là đơn vị có truyền thống gần 60 năm kinh nghiệm, có bề dày thành tích, trình độ chuyên môn cao, tinh thần thái độ phục vụ tốt, đã tạo được uy tín lớn đối với cán bộ viên chức trong và ngoài ngành giao thông vận tải, nhân dân trong khu vực cũng như các đối tác.

1.2. Đặc điểm lĩnh vực hoạt động của Công ty cổ phần quản lý Bệnh viện

Là doanh nghiệp được hình thành sau cổ phần hóa, với trọng tâm là cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh và điều trị cho nhân dân. Đặc điểm của lĩnh vực hoạt động dịch vụ y tế là hiệu quả từ việc cung cấp dịch vụ y tế mang lại lợi ích lớn về mặt xã hội và kinh tế. Tuy nhiên đối với việc cung cấp dịch vụ của Bệnh viện có một số vấn đề như sau:

Việc cung cấp các dịch vụ y tế, khám chữa bệnh chuyên sâu đòi hỏi suất đầu tư lớn, đặc biệt là về con người và máy móc, công cụ hỗ trợ khám chữa bệnh, điều trị. Bên cạnh đó, việc khám chữa bệnh và điều trị y tế cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro bất khả kháng.

Việc điều trị đối với từng bệnh nhân và ca bệnh cụ thể có nhiều đặc thù riêng, do đó chi phí Bảo hiểm y tế được duyệt chi trả có thể không đủ cho việc khám chữa bệnh và điều trị đối với nhiều bệnh nhân, hiện nay Bệnh nhân khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế đang là đối tượng chính của Bệnh viện.

Việc khám chữa bệnh và điều trị từng ca bệnh có đặc điểm y học, kỹ thuật riêng nên phương pháp khám, điều trị và biện pháp kỹ thuật cũng không giống nhau do đó yếu tố giá thành và xác định viện phí rất phức tạp.

Tuy nhiên, có một thực tế là hiện nay nhu cầu khám chữa bệnh và điều trị y tế của nhân dân rất lớn tuy nhiên ngành y tế vẫn chưa giải quyết đủ nhu cầu, như vậy, có thể thấy lĩnh vực y tế sẽ là một thị trường rất tiềm năng.

2. Mục tiêu và định hướng phát triển công ty cổ phần:

Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, Bệnh viện xây dựng mục tiêu, định hướng của Công ty cổ phần như sau:

2.1. Mục tiêu

Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương tiến hành cổ phần hóa nhằm thực hiện các mục tiêu:

- Trở thành Bệnh viện đa khoa chất lượng cao, ngang tầm khu vực Đông Nam Á, một số lĩnh vực theo kịp tiến độ khoa học của thế giới (các nước tiên tiến như Đức, Mỹ, Nhật..)

– Đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh đa dạng của nhân dân, trong đó phát triển năng lực cung cấp các gói dịch vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và cả các dịch vụ điều trị y tế chất lượng cao, chuyên sâu. Đảm bảo gắn liền và phát triển hài hòa lợi ích của cộng đồng trong khám chữa bệnh với lợi ích kinh tế - xã hội của Bệnh viện. Thực hiện mở rộng lượng người/lượt khám chữa bệnh thông qua các biện pháp, giải pháp kinh doanh phù hợp.

– Đảm bảo năng lực khám chữa bệnh cho khu vực các quận Cầu Giấy, Mỹ Đình, Từ Liêm và các tỉnh phụ cận, giảm tải lượng bệnh nhân cho các bệnh viện trong 03 quận trung tâm (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa);

– Xây dựng Bệnh viện Giao thông vận tải thành một Bệnh viện hàng đầu trong một số lĩnh vực chuyên ngành như: Thận nhân tạo, Mắt... góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ y tế tại Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung. Và là doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, mang lại giá trị cho người lao động, các cổ đông và xã hội.

2.2. Định hướng

Về cơ sở vật chất

– Đưa Bệnh viện trở thành Bệnh viện có cơ sở vật chất – trang thiết bị - máy móc hiện đại, ngang tầm với khu vực Đông Nam Á.

– Nâng số lượng giường bệnh lên 500 giường, có đầy đủ các khoa khám bệnh theo quy định, đạt và vượt các tiêu chuẩn của ngành y tế.

– Liên doanh xây dựng cơ sở vật chất với đối tác nước ngoài.

– Thành lập các Khoa chuyên ngành với năng lực khám chữa bệnh nổi trội: Khoa dành riêng cho việc khám, chữa bệnh liên quan đến bệnh nghề nghiệp ngành giao thông vận tải, Khoa y học hạt nhân, Khoa ung bướu... đi kèm các thiết bị hiện đại.

Về lực lượng Bác sỹ, y tá, điều dưỡng viên

– Xây dựng lực lượng Bác sỹ dồi dào, có năng lực, trình độ ngang tầm với khu vực Đông Nam Á. Thu hút nguồn lực tốt được đào tạo bài bản ở các nước có nền y học tiên tiến (Mỹ, Pháp, Nhật,...).

– Xây dựng chế độ đãi ngộ, lương thưởng xứng đáng, đảm bảo mức thu nhập bình quân hơn hẳn so với mặt bằng trung bình tại các bệnh viện Nhà nước (vượt tối thiểu 150% - 200% mức lương Nhà nước đang áp dụng).

– Xây dựng lực lượng bác sỹ, cán bộ nhân viên có y đức, tận tình với bệnh nhân, là điểm sáng trong ngành y tế nước nhà.

Về nghiên cứu khoa học và ứng dụng trong công tác khám, chữa bệnh.

– Bệnh viện sẽ thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học, liên tục nâng cao trình độ chẩn đoán, khám chữa bệnh cho đội ngũ bác sỹ, y tá, điều dưỡng viên,..

– Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực tham gia trực tiếp vào các chương trình y tế,

chăm sóc sức khỏe cộng đồng của Nhà nước, Bộ Y tế,...

- Thực hiện liên kết với các Trung tâm nghiên cứu thế giới, các bệnh viện chuyên khoa nổi tiếng trong khu vực để mời các bác sỹ có tầm khu vực tới khám chữa bệnh và ngược lại đưa đội ngũ bác sỹ của Bệnh viện Giao thông vận tải đi thực tập nhằm học hỏi và nâng cao trình độ đạt tầm khu vực.
- Liên kết với các trường Đại học, Cao Đẳng, trung cấp có chuyên ngành Y – Dược
- Cộng đồng nhằm kết hợp đào tạo, làm nơi thực tập cho sinh viên trong nhà trường, tạo mối liên kết chặt chẽ giữa học tập – thực hành của sinh viên ngành Y, đồng thời xây dựng đội ngũ Y, Bác sỹ tương lai của Bệnh viện.
- Liên kết nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Về quản trị doanh nghiệp

Sau khi cổ phần hóa thành công, Bệnh viện sẽ tiến hành đổi mới sâu sắc quản trị điều hành và quản trị chuyên môn tại Bệnh viện. Đơn vị đã xây dựng cơ cấu tổ chức theo mô hình quản trị tiên tiến hiện nay thành 02 khối: Khối điều hành và Khối chuyên môn. Quản trị các khối này có các Phó Giám đốc điều hành và Phó Giám đốc chuyên môn nhằm chuyên nghiệp hoá hoạt động quản trị và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chất lượng dịch vụ của Bệnh viện.

Bệnh viện xác định, sau khi cổ phần hoá sẽ đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt trong việc cung cấp dịch vụ y tế theo cơ chế thị trường. Do đó, Bệnh viện sẽ xây dựng theo hướng đáp ứng bộ tiêu chí mới của Bộ Y tế mới ban hành nhằm tăng độ hấp dẫn của Bệnh viện; xây dựng phòng Chính sách khách hàng và Phát triển thương hiệu nhằm duy trì và tìm kiếm khách hàng, tạo dựng và phát triển thương hiệu Bệnh viện Giao thông vận tải trở thành một bệnh viện hàng đầu Việt nam.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở dự báo, nhận định trước tình hình mới, mục tiêu và nguồn lực mới, và kế thừa các kết quả cung cấp dịch vụ các năm qua đã đạt được, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa 2015-2017 tại các phần như sau:

3.1 Tổng hợp một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh

BẢNG BIỂU: Một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh của CTCP

TT	Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
I	Các chỉ số hoạt động của Bệnh viện trong khám chữa bệnh				
1	Số giường bệnh		470	490	500
2	Công suất sử dụng	%	75%	80%	85%

TT	Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
3	Tổng số lượt khám chữa bệnh	Lượt	500.000	530.000	570.000
4	Số ngày điều trị trung bình	Ngày	8	6	5
5	Số lượt khám sức khỏe định kỳ		20.500	22.000	23.000
6	Số lượt khám sức khỏe nước ngoài		70.000	75.000	80.000
II	Các chỉ số kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đ	210	231	237
	<i>Trong đó dự kiến từ nguồn ngân sách cấp hỗ trợ chi thường xuyên từ Bộ GTVT^(*)</i>	Tỷ đ	25	25	25
2	Tổng chi phí	Tỷ đ	195	199	202
3	Chi phí khấu hao bình quân ^(**)	Tỷ đ	5	20	20
4	Lợi nhuận trước thuế	“	10	12	15
5	Lợi nhuận sau thuế (nếu được cấp hỗ trợ chi thường xuyên)	“	7,8	9,6	12
6	Vốn điều lệ CTCP ^(***)	Tỷ đ	168	435,5	435,5
7	Cổ tức	%	3%	2%	2%
8	Lao động bình quân (người)		450	475	500
9	Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người/tháng)		13,5	14	15

(*) Bệnh viện là đơn vị đầu tiên trong cả nước tiến hành thí điểm cổ phần hóa với 80 - 90% đối tượng phục vụ là các bệnh nhân khám Bảo hiểm y tế trong đó có một lượng lớn là cán bộ công nhân viên ngành giao thông vận tải, dịch vụ này không đặt mục tiêu lợi nhuận nhưng có nhiều ý nghĩa trong đảm bảo an sinh xã hội nói chung và ngành giao thông vận tải nói riêng. Vì vậy, sau khi chuyển đổi, Công ty cổ phần sẽ tiếp tục kế thừa việc chăm sóc và phát huy đối tượng phục vụ đông đảo này, do đó dự kiến hoạt động kinh doanh trong 03 năm đầu sau cổ phần hóa còn khó khăn. Mặt khác, để đảm bảo mức thu nhập nhằm giữ được đội ngũ bác sỹ có tay nghề cao, các lao động giỏi gắn bó với bệnh viện sau khi cổ phần hoá và Bệnh viện dành nguồn lực để đầu tư trang thiết bị, hiện đại hóa cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng dịch vụ và chăm sóc bệnh nhân, Bệnh viện đề nghị tiếp tục duy trì nguồn ngân sách cấp hỗ trợ chi thường xuyên từ Bộ Giao thông vận tải số tiền 25 tỷ đồng/năm để chi trả lương cho người lao động và duy trì việc hỗ trợ này trong 03 năm tiếp theo kể từ thời điểm Bệnh viện giao thông vận tải – CTCP được cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(**) Dự án toà nhà Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương dự kiến đi vào hoạt động từ Quý IV/2015, do đó chi phí khấu hao bắt đầu được tính ổn định từ 2016.

(***) Dự án tòa nhà Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương chủ yếu thực hiện từ nguồn vốn vay ODA, tính đến 30/6/2014 đã hoàn thành khối lượng xây dựng cơ bản

với giá trị được ghi nhận là 55.046.192.429 đồng. Phần giá trị đầu tư còn lại của dự án tòa nhà Bệnh viện sau khi có quyết toán thực tế công trình hoàn thành sẽ được bổ sung tăng vốn điều lệ và được tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần. Các nội dung đề xuất trên sẽ được đưa vào quy định khi thỏa thuận bán cổ phần cho các đối tác chiến lược, các nhà đầu tư và thông qua ngay tại kỳ Đại hội cổ đông lần đầu của Công ty cổ phần. Sau khi hoàn thành quyết toán và tăng vốn Nhà nước, Nhà nước sẽ tiếp tục thực hiện thoái vốn để chỉ giữ tối đa 30% vốn điều lệ và việc thoái vốn sẽ ưu tiên bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ.

3.2 Cơ sở xây dựng kế hoạch

Kế hoạch kinh doanh của Bệnh viện Giao thông vận tải được xây dựng dựa trên một số các cơ sở và dự báo như sau:

- Bệnh viện đã tập trung phát triển khoa học kỹ thuật với các thiết bị chẩn đoán và điều trị hiện đại tăng mức độ hấp dẫn đối với người bệnh như: Máy chụp cắt lớp tỷ trọng, Máy siêu âm sản khoa màu ba chiều, máy siêu âm Doppler tim mạch màu 4 chiều, Máy chụp X quang số hoá – DR, Hệ thống xét nghiệm Elliza xét nghiệm HIV, viêm gan; Máy tán sỏi ngoài cơ thể; Máy mổ nội soi ổ bụng; Máy mổ nội soi tai mũi họng; Máy Phaco mổ đục thủy tinh thể mắt; Máy thở nhân tạo; Monitoring theo dõi khí máu; máy thận nhân tạo với hệ thống trộn dịch trung tâm,...
- Bệnh viện cũng áp dụng thành công các kỹ thuật chẩn đoán tiên tiến đáp ứng các nhu cầu cho người bệnh như nội soi chẩn đoán, chụp cắt lớp tỷ trọng, siêu âm màu 3D, mổ nội soi trong các chuyên khoa như: Mổ nội soi cắt ruột thừa, cắt túi mật, cắt khối chừa ngoài tử cung, cắt u nang buồng trứng, thủng dạ dày, cắt U đại tràng nội soi, nội soi tán sỏi hệ tiết niệu trong cơ thể, tán sỏi ngoài cơ thể. Mổ nội soi khớp gối. Mổ nội soi tai mũi họng, mổ đục thủy tinh thể theo phương pháp Phaco, mổ thay khớp háng, mổ thay chỏm xương đùi, mổ trĩ phương pháp Longo...
- Vị trí Bệnh viện: nằm ở khu vực phía tây thành phố, tiện thăm khám chữa bệnh của người dân ở khu vực lân cận.
- Dự án tòa nhà Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương bao gồm 7 tầng nổi và 2 tầng hầm từ nguồn vốn ODA dự kiến đưa vào hoạt động từ cuối Quý IV năm 2015 sẽ nâng cao năng lực khám chữa bệnh và điều trị của Bệnh viện sau khi cổ phần hóa. Năm 2014, Bệnh viện đang quản lý 363 giường bệnh với công suất sử dụng 92%. Dự kiến sau khi toàn nhà Bệnh viện hoàn thành, Bệnh viện sẽ nâng lên 470 giường bệnh năm 2015 và đạt 500 giường vào năm 2017.
- Hiện nay, số ngày điều trị trung bình của người bệnh tại Bệnh viện là 11,8 ngày do đó sau cổ phần hóa Bệnh viện phấn đấu nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, giảm số ngày điều trị bình quân xuống còn 5 ngày vào năm 2017. Ngoài ra, Bệnh viện sẽ áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị và thăm khám chữa bệnh để đẩy nhanh quy trình khám góp phần nâng cao số lượt luân chuyển người điều trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bệnh viện.
- Bệnh viện đã xây dựng phòng Chính sách khách hàng và Phát triển thương hiệu

nhằm thực hiện kế các kế hoạch marketing phát triển khách hàng sau khi cổ phần hoá. Bên cạnh việc duy trì và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế, Bệnh viện sẽ đẩy mạnh việc phát triển các khách hàng đem lại doanh thu tốt như: khám dịch vụ, khám sức khoẻ định kỳ và khám sức khoẻ có yếu tố nước ngoài.

- Bệnh viện sẽ phát triển thêm các dịch vụ hỗ trợ chuyên sâu cho điều trị như: nhà thuốc, dịch vụ ăn uống và dinh dưỡng cho bệnh nhân... góp phần tăng hiệu quả điều trị của người bệnh và tăng kết quả hoạt động của đơn vị.
- Bên cạnh đó, khi chuyển sang công ty cổ phần, Bệnh viện sẽ cùng các cổ đông, đối tác chiến lược hoàn thiện quy trình quản trị để giảm chi phí; tăng cường công tác quản lý tài chính và hiệu quả sử dụng vốn tại Bệnh viện.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2015-2017 đã đề ra, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương xác định các nhóm giải pháp như sau:

1. Giải pháp về dịch vụ y tế và thị trường:

Trong giai đoạn sắp tới, Bệnh viện sẽ tập trung triển khai các nhóm biện pháp và hoạt động cụ thể như sau:

- Tập trung nâng cao chất lượng khám chữa bệnh hiện tại, giảm số giờ điều trị và số ngày nằm viện của bệnh nhân nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Từng bước đầu tư có hiệu quả và trọng điểm các trang bị y tế kỹ thuật cao nhằm hỗ trợ công tác khám chữa bệnh và điều trị bệnh nhân;
- Thực hiện liên kết với các Bệnh viện, Trung tâm nghiên cứu y học hàng đầu, các Giáo sư – Bác sĩ đầu ngành để mời tới khám chữa bệnh và ngược lại đưa đội ngũ bác sĩ của Bệnh viện Giao thông vận tải đi thực tập nhằm học hỏi và nâng cao trình độ đạt tầm khu vực.
- Tập trung thu hút và đáp ứng lượng bệnh nhân ở khu vực quận Cầu Giấy, Từ Liêm, khu vực Mỹ Đình và các tỉnh lân cận (Vĩnh Phúc, Phú Thọ,...).
- Mở dịch vụ lấy số khám chữa bệnh tại Bệnh viện thông qua tổng đài 1080.
- Hợp tác với các doanh nghiệp, các đơn vị trong ngành Giao thông vận tải trong việc ký kết các hợp đồng khám và chăm sóc sức khoẻ dài hạn cho các cán bộ, công nhân viên.
- Nâng cao chất lượng và số lượng khám sức khoẻ cho Người đi lao động học tập ở nước ngoài – Một trong những thế mạnh của Bệnh viện trong nhiều năm qua.
- Tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế và các bộ ngành, địa phương trong thực hiện chiến lược phát triển Bệnh viện.

2. Giải pháp về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ

Với mục tiêu đưa Bệnh viện trở thành Bệnh viện ngang tầm khu vực Đông Nam Á, Bệnh viện xác định việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong hỗ

trợ thăm khám và điều trị y tế là ưu tiên quan trọng.

- Bệnh viện xây dựng lực lượng Bác sỹ, nhân viên có năng lực, trình độ kinh nghiệm và thu hút nguồn lực tốt được đào tạo bài bản ở các nước có nền y học tiên tiến nhằm áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong lĩnh vực y khoa.
- Đơn vị sẽ thúc đẩy nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ về chẩn đoán, điều trị chăm sóc và kỹ năng giao tiếp ... cho đội ngũ bác sỹ, y tá, điều dưỡng viên.
- Thực hiện các chương trình liên kết đưa đội ngũ bác sỹ của Bệnh viện Giao thông vận tải đi thực tập nhằm học hỏi và nâng cao trình độ đạt tầm khu vực để khám và điều trị bệnh cho nhân dân.
- Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị Bệnh viện để trở thành Bệnh viện có quy mô 500 giường với cơ sở vật chất – trang thiết bị - máy móc hiện đại, ngang tầm với khu vực Đông Nam Á. Trong đó có các Khoa chuyên sâu với năng lực khám chữa bệnh nổi trội với các thiết bị tiên tiến, hiện đại.

3. Giải pháp về tài chính, vốn

- Tăng cường công tác quản lý tài chính, nguồn vốn ở Bệnh viện. Đánh giá lại hiệu quả hoạt động khám chữa bệnh của từng khoa, phòng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và điều chỉnh mức giá phí phù hợp.
- Thực hiện thanh lý các máy móc cũ, không sinh lợi hoặc sinh lợi kém; tập trung đầu tư tài chính vào các trang thiết bị y tế hiện đại và cần thiết nhưng phải đảm bảo hiệu quả sử dụng và hiệu quả kinh tế.
- Tiếp tục tiến hành các hoạt động đấu thầu, mua sắm, cung cấp dịch vụ công khai minh bạch nhằm giảm thiểu chi phí, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cộng tại Bệnh viện.
- Đảm bảo cân đối nguồn hiệu quả trên cơ sở nguồn vốn tự có của Bệnh viện, nguồn vốn từ các cổ đông, nguồn từ đầu tư xã hội hóa y tế và huy động trên thị trường tài chính. Trong quá trình hoạt động, Bệnh viện sẽ dành nguồn vốn cho đầu tư phát triển với cơ cấu hợp lý trong từng thời kỳ. Bệnh viện tiếp tục huy động vốn từ cổ đông để đảm bảo có lượng tiền mặt nhằm thực hiện hiệu quả các kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa. Phần vốn còn thiếu, Bệnh viện sẽ thực hiện huy động vốn trên thị trường tài chính thông qua các kênh: nguồn Viện trợ, nguồn vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các quỹ đầu tư trong & ngoài nước, các Ngân hàng thương mại và Nhà cung cấp trang thiết bị y tế có uy tín ...
- Tiếp tục kế thừa và phát huy hiệu quả các dự án xã hội hóa đã được thực hiện tại Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương hiện nay. Kêu gọi các nhà đầu tư xã hội hóa thiết bị y tế để bệnh viện khai thác sử dụng đáp ứng nhu cầu về dịch vụ y tế chất lượng cao của cộng đồng tuân theo chủ trương xã hội hóa y tế của Chính phủ và Bộ Y tế.

4. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp

Nhằm cụ thể hóa và thực hiện lộ trình nâng cao chất lượng Bệnh viện Giao thông vận tải, các giải pháp về quản trị doanh nghiệp được xác định vai trò hết sức quan trọng.

- Sau khi cổ phần hóa, Bệnh viện sẽ tiếp cận mô hình quản trị tiên tiến trong đó phân tách thành các khối riêng biệt: khối điều hành và khối chuyên môn kỹ thuật và có các Giám đốc khối riêng dưới sự quản trị của Ban Tổng Giám đốc Bệnh viện.
- Bệnh viện sẽ tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy, mở các khoa, phòng điều trị mà xã hội đang có nhu cầu lớn như Tim mạch, Ung thư, Nội tiết, Sản nhi, Lão khoa...
- Tiếp tục bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức Công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực y tế, phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và phù hợp với cơ chế thị trường.
- Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, y bác sỹ để đảm nhiệm được vai trò, nhiệm vụ.
- Đầu tư, nâng cấp hệ thống thông tin quản trị một cách đồng bộ tại Bệnh viện nhằm phục vụ công tác quản trị và điều hành kịp thời.
- Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp có hệ thống các giá trị cốt lõi tạo được động lực thúc đẩy người lao động làm việc, nâng cao ý thức và chất lượng phục vụ của Bệnh viện Giao thông vận tải.

5. Giải pháp về đầu tư phát triển sản xuất

- Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin Bệnh viện một cách đồng bộ nhằm phục vụ công tác quản trị Bệnh viện, quản lý Bệnh nhân...
- Tập trung đầu tư chuyên sâu cho một số khoa ngành như: Ung Bướu, Nội tiết, Tim mạch.
- Đầu tư Trung tâm khám lưu động (gồm hệ thống các xe ô tô đặc chủng - chở các thiết bị y tế: siêu âm, chụp cắt lớp, X – quang,..) phục vụ việc khám sức khỏe định kỳ, khám chữa bệnh, cấp thuốc trực tiếp tại các công trường, tại các đơn vị ngành giao thông vận tải và hỗ trợ khi có các tai nạn nghiêm trọng của ngành giao thông vận tải.
- Khám, xét nghiệm chẩn đoán, điều trị bệnh tại nhà đối với các bệnh thông thường đáp ứng nhu cầu của người bệnh, giảm tải cho các bệnh viện và thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc ban đầu của ngành y tế đề ra
- Hợp tác với các nhà đầu tư nhằm tiến hành xã hội hóa các thiết bị điều trị, y học tiên tiến trong khi Bệnh viện chưa chủ động được nguồn đầu tư.

6. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Bệnh viện Giao thông vận tải.
- Tiến hành thu hút các nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao, tay nghề giỏi tới làm việc tại Bệnh viện Giao thông vận tải.
- Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo mới, hợp tác liên kết để đào tạo lại; xây dựng quy trình tuyển dụng chặt chẽ, khoa học.
- Hoàn thiện cơ chế chính sách động viên, khuyến khích có hiệu quả đối với người lao động; Xây dựng cơ chế đánh giá, bổ nhiệm, đãi ngộ khoa học, công khai, minh bạch tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái nhằm phát huy tối đa năng lực của từng y bác sỹ, cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút được nguồn nhân lực từ bên ngoài.
- Không ngừng nâng cao thu nhập đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động: Đảm bảo có chính sách tiền lương phù hợp, đáp ứng được những nhu cầu chính đáng của người lao động để duy trì đội ngũ lao động có trình độ năng lực và tâm huyết; thực hiện việc phân phối tiền lương công bằng theo hiệu quả công việc, sự cống hiến của người lao động và phù hợp với điều kiện thị trường.

V. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương xây dựng Dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

(Bản Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty kèm theo Phương án cổ phần hóa)

VI. NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Khó khăn của đợt chào bán

Dự báo thị trường chứng khoán còn thiếu các tín hiệu tích cực, nên cổ phiếu của các doanh nghiệp có thể không nhiều hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, trong đó có đợt chào bán của Bệnh viện khi cổ phần hóa.

Mặt khác Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương là đơn vị đầu tiên thí điểm cổ phần hóa, do đó chưa có các tiền lệ để nhà đầu tư tham khảo việc tham gia đầu tư. Do đó, nếu không chào bán hết cổ phần, Bệnh viện sẽ xin điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ, chờ thời điểm thích hợp báo cáo cấp có thẩm quyền tiếp tục việc phát hành, thoái vốn nhà nước.

2. Khó khăn do cơ chế, chính sách chuyển đổi doanh nghiệp

Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương là đơn vị tiến hành thí điểm từ đơn vị y tế công lập cổ phần hóa, do đó bộ máy quản trị, điều hành và người lao động tại Bệnh

viện trong thời gian đầu có thể còn bỡ ngỡ với cơ chế hoạt động và quản trị của doanh nghiệp.

Bất cập trong đánh giá giá trị thực tế của các tài sản của Bệnh viện theo Thông tư 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần, dẫn đến vốn điều lệ công ty cổ phần chứa đựng một lượng giá trị được đánh giá tăng thêm so với ghi nhận sổ kế toán hiện tại như Nhà cửa, vật kiên trúc đã cũ... ảnh hưởng phần nào đến vốn sản xuất kinh doanh của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương.

Là đơn vị thí điểm nên mô hình mẫu thành công, cơ chế chính sách đặc thù cho lĩnh vực y tế hiện chưa có sẵn, nên vừa làm vừa phải điều chỉnh thay đổi...

Lĩnh vực y tế là lĩnh vực chăm sóc con người, là chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước nên không thể lấy hiệu quả kinh tế là thước đo duy nhất trong quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động, tuy nhiên với các cổ đông thì nhà đầu tư sẽ đánh giá dựa trên khả năng lợi nhuận đem lại và vì vậy có thể có những tiềm ẩn xung đột về cách thức quản trị, điều hành bệnh viện khi có sự tham gia của các nhà đầu tư bên ngoài.

3. Khó khăn khác

Ngoài một số khó khăn kể trên, Bệnh viện cũng có khả năng gặp phải rủi ro nghề nghiệp đối với hoạt động y tế. Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CỔ PHẦN HÓA

Sau khi Phương án cổ phần hóa của Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương được phê duyệt, Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương dự kiến triển khai các công việc sau:

1. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa:

Các công việc còn lại để hoàn tất quá trình cổ phần hoá có lộ trình dự kiến thời gian thực hiện như sau:

STT	Thời gian dự kiến	Nội dung công việc triển khai thực hiện
1	T	Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa
2	T + 5	Bán cổ phần cho đối tác chiến lược theo Phương án cổ phần hóa phê duyệt.
3	T + 10	Bán cổ phần cho người lao động theo phương án cổ phần hoá đã được phê duyệt.
4	T + 40	Tổ chức bán đấu giá cổ phần theo phương án được duyệt và thu tiền bán cổ phần
5	T + 60	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất theo các nội dung đã được thống nhất. Đăng ký kinh doanh, đăng ký con dấu.

2. Tổ chức quyết toán, bàn giao giữa doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần:

- Lập báo cáo tài chính, quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, quyết toán chi phí cổ phần hóa;
- Tổ chức bàn giao giữa Bệnh viện và Công ty cổ phần;

3. Đăng ký giao dịch và niêm yết

Sau khi chính thức trở thành Công ty cổ phần, doanh nghiệp sau chuyển đổi sẽ thực hiện nội dung được quy định tại Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó: tiếp tục hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng khi đủ điều kiện, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM hoặc niêm yết

(nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện) theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

II. KIẾN NGHỊ

1. Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực y tế gắn liền với an sinh xã hội và nhiệm vụ chính trị trên địa bàn. Đồng thời để đảm bảo quy hoạch được chặt chẽ và quản lý việc đầu tư xây dựng có hiệu quả, Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương kính đề nghị Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, UBND thành phố Hà Nội, Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Giao thông công chính, Sở Xây dựng cùng các ban, ngành, chính quyền các cấp quan tâm và ủng hộ các kiến nghị sau:

1.1 Cho phép Bệnh viện được bổ sung phần giá trị đầu tư còn lại của của Dự án toàn nhà Bệnh viện trên cơ sở giá trị đầu tư thực tế được quyết toán, bàn giao vào vốn Nhà nước và tăng vốn điều lệ như đã đề xuất tại Mục 4.4 - Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Phương án này.

Trong trường hợp, việc quyết toán và nghiệm thu giá trị đầu tư xây dựng bệnh viện hoàn thành trước khi Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa, Bộ GTVT sẽ tiến hành báo cáo, điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo đúng thực tế phát sinh và tiến hành điều chỉnh mức vốn, cơ cấu vốn điều lệ tương ứng để trình Chính phủ phê duyệt.

Trong trường hợp Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và các cơ quan có thẩm quyền lựa chọn được Nhà đầu tư chiến lược có năng lực tốt, có cam kết và chiến lược cụ thể, rõ ràng về việc nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và phát triển Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương theo hướng tiên tiến hiện đại; đồng thời Nhà đầu tư chiến lược có đề xuất về việc mua thêm cổ phần. Bệnh viện kiến nghị Chính phủ cho phép giảm số cổ phần bán đấu giá công khai và tăng cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược ở mức tối đa bằng 51% vốn điều lệ.

1.2 Cho phép Bệnh viện được áp dụng chính sách bán 800 cổ phần cho mỗi năm cam kết làm việc tiếp đối với những lao động là các cán bộ chuyên môn, chuyên gia giỏi, y bác sỹ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động đã nêu tại Mục 5.3 của Phương án này.

1.3 Phê duyệt cơ chế về thuế, phí, lệ phí ưu đãi giúp cho Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương có cơ hội tập trung mọi nguồn lực dành cho việc xây dựng, nâng cấp bệnh viện, sớm đưa nhân dân tiếp cận các giải pháp điều trị y tế hiện đại, tiên tiến. Được hưởng các chính sách quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số

59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể:

+ Được cho thuê đất và miễn tiền thuê đất đối với đơn vị hoạt động trong lĩnh vực y tế khi thực hiện cổ phần hoá như quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

+ Bệnh viện kiến nghị đơn vị y tế công lập cổ phần hóa được áp dụng chính sách như đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa có thu nhập từ hoạt động xã hội hóa quy định tại Điều 8 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Cụ thể là được áp dụng thuế suất thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian hoạt động; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm tiếp theo.

+ Về cơ chế tính giá viện phí: Giá viện phí cho các dịch vụ khám chữa bệnh theo bảo hiểm y tế vẫn thu theo qui định của Nhà nước. Đối với khám chữa bệnh dịch vụ sẽ được tăng giá phù hợp với cơ chế thị trường và do Hội đồng quản trị Bệnh viện quyết định trên cơ sở tính đúng, tính đủ các yếu tố đầu vào và giá thành điều trị thực tế.

+ Hiện tại, Bệnh viện đang được Ngân sách cấp chi thường xuyên số tiền hơn 25 tỷ đồng/năm để chi trả lương cho người lao động. Do đó, để đảm bảo thu nhập cho người lao động, khuyến khích các y bác sĩ giỏi gắn bó lâu dài với Bệnh viện và để duy trì năng lực khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế, thu viện phí theo quy định riêng với các đối tượng Bảo hiểm y tế. Bệnh viện kiến nghị tiếp tục duy trì nguồn Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên hàng năm số tiền 25 tỷ đồng trong quá trình chuyển đổi Bệnh viện và tiếp tục duy trì việc hỗ trợ này trong 03 năm tiếp theo kể từ thời điểm được cấp đăng ký kinh doanh để hỗ trợ Bệnh viện.

+ Bệnh viện kiến nghị được hỗ trợ cung cấp các chính sách, gói hỗ trợ tài chính, được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi từ Chính phủ, Ngân hàng Phát triển, Bộ Y tế - Giao thông vận tải, Quỹ tài chính – định chế tài chính trong và ngoài nước,...nhằm sớm mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ và phục vụ bệnh nhân của Bệnh viện Giao thông vận tải.

1.4 Nhanh chóng hoàn thành việc đầu tư, xây dựng tuyến đường nối từ nút giao giữa đường Đê La Thành và Kim Mã vào cổng Bệnh viện, tạo thuận tiện cho người dân, tổ chức thực hiện khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương.

2. Trong trường hợp không thể bán hết cổ phần theo phương án, đề nghị Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải xem xét, điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương thành công ty cổ phần theo quy định.

3. Cổ đông Nhà nước sẽ có phương án thoái bớt vốn nhà nước tại công ty cổ phần trong tương lai và Nhà nước chỉ giữ tối đa 30% vốn điều lệ. Khi thoái vốn sẽ ưu tiên bán cho các cổ đông hiện hữu tại công ty cổ phần.

Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương kính đề nghị Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, Bộ Giao thông vận tải xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương./.

**T/M BỆNH VIỆN GIAO THÔNG
VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG
GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Bộ GTVT;
- Vụ QLDN Bộ GTVT;
- Lưu HĐTV, VP.

(Đã ký)

TS. BS TRẦN TRUNG

